



Mã nhận dạng 02260

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CKC_03

Tổ Thi 001_DH20CKC_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	Nguyễn Viết Nguyên	Chương	DH20CKC	<i>Cee</i>	9,0	8,0	3,5	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20118151	Phùng Khánh	Duy	DH20CKC	<i>P</i>	9,0	7,6	6,3	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20118153	Lê Phan Minh	Hải	DH20CKC	<i>Ky</i>	9,0	9,6	5,3	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20118089	Thái Tấn	Lộc	DH20CKC						① ○ ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20118190	Lê Vĩnh	Lợi	DH20CKC	<i>Lợi</i>	7,0	8,8	3,3	4,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20118191	Nguyễn Đức	Lợi	DH20CKC	<i>Đai</i>	8,5	9,2	5,8	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20118199	Chu Phương	Nam	DH20CKC	<i>Nam</i>	8,0	6,4	3,5	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20118205	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	DH20CKC						① ○ ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20118226	Đào Sĩ	Phong	DH20CKC	<i>Pho</i>	8,0	9,6	2,5	4,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20118238	Đỗ Minh	Quang	DH20CKC	<i>Quang</i>	8,0	7,6	4,3	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20118249	Nguyễn Văn	Tâm	DH20CKC	<i>Tam</i>	10	10	9,5	9,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20118281	Lê Anh	Tuấn	DH20CKC	<i>Anh</i>	10	10	9,3	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02260

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH20CKC_03 Tô Thi 001_DH20CKC_03 Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày Thi 30/07/2022 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi HD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 10 Số sinh viên vắng 02

Ngày 30 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Đặng Vĩnh Quang

Trần Quang Trọng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02261

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_04

Tổ Thi 001_DH20NL_04

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137063	Dương Lợi An	DH20NL			9,0	0	0,8	1,9	0002345678910	0123456789
2	20137064	Nguyễn Tấn An	DH20NL			9,5	8,4	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
3	20137067	Nguyễn Thành Chí	DH20NL			9,0	10	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
4	20137068	Nguyễn Văn Đại	DH20NL			9,0	0	2,0	2,8	0012345678910	0123456789
5	20137009	Nguyễn Quốc Đạt	DH20NL			10	10	4,8	6,4	0012345678910	0123456789
6	20118129	Lê Hải Đăng	DH20CK			8,5	5,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
7	20137077	Phùng Vĩ Hào	DH20NL			8,5	9,3	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
8	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			8,5	9,6	3,3	5,0	0012345678910	0123456789
9	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			8,5	8,2	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
10	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT			8,7	10	5,8	6,9	0012345678910	0123456789
11	20137086	Lê Bảo Khang	DH20NL			9,0	9,6	5,3	6,5	0012345678910	0123456789
12	20137091	Phạm Tuấn Kiệt	DH20NL			9,0	9,4	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
13	20137094	Huỳnh Hoài Lâm	DH20NL			9,4	10	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
14	20137096	Hà Phước Lộc	DH20NL			9,0	9,2	2,8	4,7	0012345678910	0123456789
15	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			9,0	10	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
16	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			9,7	0	4,0	4,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02261

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_04

Tổ Thi 001_DH20NL_04

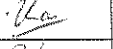
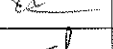
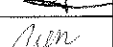
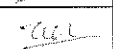
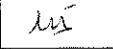
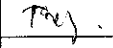
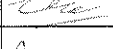
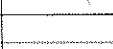
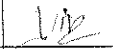
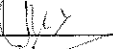
Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137112	Lê Văn Tài	DH20NL			9,7	3,4	3,5	4,4	0012345678910	0123456789
18	20137115	Đặng Nguyễn Hoàng Thái	DH20NL			9,7	4,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
19	20137116	Nguyễn Dương Thái	DH20NL			9,7	10	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
20	20137119	Lương Văn Thịnh	DH20NL			10	10	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
21	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			9,0	7,6	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
22	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			9,0	10	5,8	6,9	0012345678910	0123456789
23	20137126	Vô Bảo Toàn	DH20NL			10	10	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
24	20137129	Nguyễn Thanh Trang	DH20NL			9,0	10	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
25	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			9,6	10	5,3	6,7	0012345678910	0123456789
26	20137132	Bùi Ngọc Anh Tuấn	DH20NL			9,0	10	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
27	20137133	Triệu Văn Vân	DH20NL							0012345678910	0123456789
28	20137136	Nguyễn Quốc Việt	DH20NL							0012345678910	0123456789
29	20137137	Nguyễn Lê Văn Vinh	DH20NL			9,4	10	2,8	4,9	0012345678910	0123456789
30	20137138	Trần Tấn Vy	DH20NL			9,0	9,6	2,3	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02261

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH20NL_04 Tổ Thi 001_DH20NL_04 Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày Thi 30/07/2022 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 28 Số sinh viên vắng 02

Ngày 31 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Võ Huy Ph

Nguyễn Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02262

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_05

Tổ Thi 001_DH200T_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			10	10	5,2	6,6	0012345678910	0123456789
2	20154087	Abdul Bari	DH200T			9,0	10	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
3	20154108	Nguyễn Trung Dũng	DH200T			9,0	8,4	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
4	20154114	Nguyễn Thành Duy	DH200T			9,0	10	9,3	9,4	0012345678910	0123456789
5	20154014	Quách Dương	DH200T			9,5	9,7	4,8	6,2	0012345678910	0123456789
6	20137075	Trương Tấn Hải	DH20NL			8,8	0	0,8	1,9	0012345678910	0123456789
7	20118156	Đặng Chánh Hậu	DH20CC			9,0	9,0	2,8	4,7	0012345678910	0123456789
8	20118159	Nguyễn Đoàn Thanh Hiền	DH20CC			9,0	6,8	4,8	5,7	0012345678910	0123456789
9	20154133	Nguyễn Văn Hoàng	DH200T			10	10	6,8	7,8	0012345678910	0123456789
10	20154136	Nguyễn Thị Thu Hồng	DH200T			10	10	10	10	0012345678910	0123456789
11	20152008	Nguyễn Gia Huy	DH20CC			9,0	5,2	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
12	20154142	Nguyễn Vũ Nhật Huy	DH200T			9,5	9,6	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
13	20154147	Dương Trí Khang	DH200T			9,0	7,2	2,3	4,0	0012345678910	0123456789
14	20118184	Võ Viết Khiêm	DH20CC			9,0	10	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
15	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			9,0	10	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
16	20154153	Nguyễn Văn Kiên	DH200T			9,0	10	2,3	4,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02262

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_05

Tổ Thi 001_DH20OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118189	Ngô Hà Nhật Linh	DH20CC			9,0	5,7	118	3,5	0012345678910	0123456789
18	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			9,0	5,6	5,3	5,9	0012345678910	0123456789
19	20154171	Nguyễn Trọng Nghị	DH20OT			9,7	9,2	4,3	5,8	0012345678910	0123456789
20	20154178	Nguyễn Văn Nhựt	DH20OT							0012345678910	0123456789
21	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT							0012345678910	0123456789
22	20120077	Đình Công Đại	DH20OT			10	10	3,8	5,7	0012345678910	0123456789
23	20118220	Đỗ Minh Phát	DH20CC			9,0	7,4	5,3	6,2	0012345678910	0123456789
24	20118234	Trần Hưng Phụng	DH20CC			9,0	9,3	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
25	20118054	Võ Duy Phương	DH20CC			10	10	4,3	6,0	0012345678910	0123456789
26	20154208	Đào Minh Quyết	DH20OT			9,0	10	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
27	20154049	Phạm Ngọc Diễm	DH20OT			10	10	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
28	20154055	Huỳnh Thanh Tâm	DH20OT			10	10	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
29	20118059	Ngô Hoàng Tâm	DH20CC			9,0	6,9	3,6	4,9	0012345678910	0123456789
30	20154062	Huỳnh Minh Thông	DH20OT			10	10	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
31	20154226	Nguyễn Đăng Tiên	DH20OT			10	10	4,3	6,0	0012345678910	0123456789
32	20118268	Nguyễn Hoàng Tiến	DH20CC			8,8	5,6	3,8	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02262

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_05

Tổ Thi 001_DH200T_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154237	Nguyễn Xuân Trường	DH200T			9,7	10	23	4,6	0012345678910	0123456789
34	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC							0012345678910	0123456789
35	20154239	Phạm Minh Tuấn	DH200T			9,7	5,2	3,9	5,0	0012345678910	0123456789
36	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			8,8	4,4	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
37	20154241	Trương Quang Tuấn	DH200T			9,7	9,7	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
38	20154242	Cao Trọng Văn	DH200T			9,7	10	6,0	7,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi . Số sinh viên vắng ...

Ngày 02 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Lê Văn Điền

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02263

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_06

Tổ Thi 001_DH20OT_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	Điền Tuấn Anh	DH20OT			5,6	3,4	4,3	4,4	0012345678910	0123456789
2	20154080	Lê Tuấn Anh	DH20OT			7,0	1,0	5,3	6,3	0012345678910	0123456789
3	20154081	Nguyễn Phan Ngọc Anh	DH20OT			6,7	1,0	2,3	4,1	0012345678910	0123456789
4	20154082	Nguyễn Phúc Hoàng Anh	DH20OT							0012345678910	0123456789
5	20154005	Nguyễn Tuấn Anh	DH20OT			7,0	1,0	3,8	5,2	0012345678910	0123456789
6	20154006	Nguyễn Xuân Bách	DH20OT			7,0	1,0	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
7	20154085	Huỳnh Gia Bảo	DH20OT			7,0	1,0	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
8	20154086	Nguyễn Trần Nhật Bảo	DH20OT			7,0	8,4	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
9	20154088	Lưu Văn Bình	DH20OT			7,0	1,0	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
10	20154089	Phạm Thái Bình	DH20OT			7,0	1,0	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
11	20154010	Lê Quang Công	DH20OT			7,0	7,0	3,3	4,4	0012345678910	0123456789
12	20154092	Nguyễn Thành Công	DH20OT							0012345678910	0123456789
13	20154093	Hồ Chí Cường	DH20OT			7,0	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
14	20154097	Nguyễn Tấn Danh	DH20OT			7,0	1,0	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
15	20154113	Lê Hoàng Đức Duy	DH20OT			7,0	3,8	3,0	3,7	0012345678910	0123456789
16	20154115	Nguyễn Thành Duy	DH20OT			7,0	9,8	3,0	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02263

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_06

Tổ Thi 001_DH200T_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154111	Nguyễn Văn Dương	DH200T			9,6	10	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
18	20154101	Phạm Đình Thành Đạt	DH200T			9,5	10	5,4	6,7	0012345678910	0123456789
19	20154102	Đặng Thiệu Đình	DH200T			9,5	10	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
20	20154103	Dương Quốc Đông	DH200T			9,5	8,4	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
21	20154105	Nguyễn Trọng Đức	DH200T			9,5	10	4,3	5,9	0012345678910	0123456789
22	20154106	Nguyễn Văn Đức	DH200T			9,5	10	2,8	4,9	0012345678910	0123456789
23	20154117	Lê Tuấn Trường Giang	DH200T			9,5	7,2	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
24	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			9,5	6,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
25	20154122	Vũ Anh Hào	DH200T			9,5	9,2	3,3	5,1	0012345678910	0123456789
26	20154022	Hồ Hoàng Hào	DH200T			9,7	10	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
27	20154123	Hoàng Hồng Hậu	DH200T			9,5	10	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
28	20154124	Phạm Nguyễn Quốc Hậu	DH200T			9,5	3,8	3,8	4,7	0012345678910	0123456789
29	20154126	Võ Công Hiền	DH200T			9,5	10	5,8	7,0	0012345678910	0123456789
30	20154127	Đặng Trung Hiếu	DH200T			9,5	7,6	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
31	20154131	Huỳnh Vũ Hoài	DH200T			9,5	8,8	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
32	20154134	Nguyễn Võ Huy Hoàng	DH200T			9,5	10	3,8	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02263

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_06

Tổ Thi 001_DH200T_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154137	Phan Quý Hùng	DH200T			8,0	7,6	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
34	20154140	Bùi Thanh Huy	DH200T			8,0	8,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
35	20154141	Nguyễn Minh Huy	DH200T			8,0	1,0	4,5	5,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33 Số sinh viên vắng 2...

Ngày 02 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Đình Kiên

Phan Trọng Nghĩa

Trương Quý Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02264

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_06

Tổ Thi 002_DH20OT_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154024	Phùng Quốc Huy	DH20OT			8,0	10	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
2	20154144	Trần Gia Huy	DH20OT			8,0	3,0	5,8	5,7	0012345678910	0123456789
3	20154138	Nguyễn Minh Hưng	DH20OT			8,0	10	3,8	5,4	0012345678910	0123456789
4	20154139	Trần Hữu Hưng	DH20OT			9,5	10	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
5	20154146	Nguyễn Quốc Khải	DH20OT			8,0	6,0	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
6	20154148	Châu Quốc Việt Khánh	DH20OT			8,0	4,4	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
7	20154149	Hoàng Lê Minh Khánh	DH20OT			8,0	10	6,3	7,1	0012345678910	0123456789
8	20154150	Nguyễn Hoàng Bảo Khánh	DH20OT			8,0	5,2	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
9	20154151	Trần Mạc Anh Khoa	DH20OT			8,0	0	1,0	1,9	0012345678910	0123456789
10	20154152	Võ Nguyên Khôi	DH20OT			8,0	9,2	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	20154155	Mai Thanh Lâm	DH20OT			8,0	10	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
12	20154158	Hoàng Kim Lâm	DH20OT			8,0	4,8	3,8	4,6	0012345678910	0123456789
13	20154159	Nguyễn Công Linh	DH20OT			8,0	8,0	3,8	5,1	0012345678910	0123456789
14	20154160	Trần Ngọc Linh	DH20OT			8,0	9,2	4,8	5,9	0012345678910	0123456789
15	20154165	Nguyễn Tiến Mạnh	DH20OT			8,0	10	6,3	7,1	0012345678910	0123456789
16	20154166	Nguyễn Văn Minh	DH20OT			8,0	4,4	3,8	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02264

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_06

Tổ Thi 002_DH20OT_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154168	Đậu Phương Nam	DH20OT			8,0	7,6	3,8	5,0	0012345678910	0123456789
18	20154170	Trần Thanh Nam	DH20OT			8,0	3,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
19	20154176	Phạm Trọng Công Nghĩa	DH20OT			8,1	10	8,8	8,9	0012345678910	0123456789
20	20154172	Trần Trung Nghi	DH20OT			8,1	10	6,1	7,0	0012345678910	0123456789
21	20154173	Bùi Tá Nghĩa	DH20OT			8,1	10	5,3	6,4	0012345678910	0123456789
22	20154174	Nguyễn Tiến Nghĩa	DH20OT			8,1	9,6	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
23	20154175	Nguyễn Trung Nghĩa	DH20OT			10	10	9,3	9,5	0012345678910	0123456789
24	20154179	Trương Quốc Nguyễn	DH20OT			10	10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
25	20154181	Phạm Hoàng Nhân	DH20OT			8,6	10	7,3	7,9	0012345678910	0123456789
26	20154186	Vũ Thịnh Phát	DH20OT			9,0	10	4,3	5,9	0012345678910	0123456789
27	20154187	Âu Thiên Phú	DH20OT			9,0	10	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
28	20154188	Cao Quan Phú	DH20OT			8,1	10	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
29	20154189	Cao Thế Phú	DH20OT			8,1	10	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
30	20154191	Nguyễn Hoàng Phúc	DH20OT			9,0	10	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
31	20154193	Thái Trần Hồng Phúc	DH20OT			10	10	6,3	7,4	0012345678910	0123456789
32	20154195	Phùng Thanh Phước	DH20OT			8,1	8,8	3,8	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02264

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_06

Tổ Thi 002_DH200T_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154196	Nguyễn Hoài Phương	DH200T			8,1	6,0	2,3	3,7	0012345678910	0123456789
34	20154201	Huỳnh Ngọc Quang	DH200T			9,7	10	9,3	9,5	0012345678910	0123456789
35	20154197	Đỗ Anh Quân	DH200T			9,5	9,2	1,0	5,6	0012345678910	0123456789
36	20154198	Đỗ Hoàng Quân	DH200T			9,5	9,8	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
37	20154200	Nguyễn Mạnh Quân	DH200T			9,5	2,2	3,9	4,5	0012345678910	0123456789
38	20154203	Hồ Văn Ngọc Quý	DH200T			9,5	10	1,0	5,7	0012345678910	0123456789
39	20154205	Trần Hữu Quốc	DH200T			0	0	2,0	1,4	0012345678910	0123456789
40	20154206	Huỳnh An Quyền	DH200T			9,5	10	4,2	5,9	0012345678910	0123456789
41	20154207	Nguyễn Thế Quyền	DH200T			9,5	10	0,3	3,1	0012345678910	0123456789
42	20154209	Trần Chí Quyết	DH200T			9,5	10	3,8	5,6	0012345678910	0123456789
43	20154210	Nguyễn Đỗ Hữu Sang	DH200T			9,5	6,4	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
44	20154212	Nguyễn Thanh Sang	DH200T			9,5	8,4	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
45	20154213	Nguyễn Tiến Sĩ	DH200T			9,5	10	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
46	20154216	Huỳnh Duy Tân	DH200T			10	10	6,8	7,8	0012345678910	0123456789
47	20154218	Nguyễn Quang Thành	DH200T			9,5	10	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
48	20154219	Nguyễn Tiền Thanh	DH200T			9,5	10	3,3	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02264

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Chi tiết máy(207100)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **002_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 45%	Đ2 45%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20154220	Nguyễn Hoàng Thiện	DH20OT			10	10	8,5	9,0	0012345678910	0123456789
50	20154221	Nguyễn Thanh Thiện	DH20OT			9,0	10	9,7	9,6	0012345678910	0123456789
51	20154222	Phan Hữu Thiện	DH20OT			8,8	10	9,8	9,7	0012345678910	0123456789
52	20154224	Chau Chanh Thu	DH20OT			8,8	10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
53	20154228	Hà Hữu Tịnh	DH20OT			7,5	10	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
54	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC							0012345678910	0123456789
55	20154229	Nguyễn Quốc Trãi	DH20OT			7,9	7,4	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
56	20154230	Nguyễn Hữu Trí	DH20OT			7,9	5,8	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
57	20154231	Nguyễn Hữu Trí	DH20OT			8,4	10	4,8	6,1	0012345678910	0123456789
58	20154232	Phạm Minh Trí	DH20OT			7,9	6,0	5,3	5,8	0012345678910	0123456789
59	20154233	Đỗ Ngọc Triết	DH20OT			8,4	7,8	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
60	20154234	Đặng Bình Triệu	DH20OT			7,9	9,6	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
61	20154235	Nguyễn Hồ Quốc Trung	DH20OT			7,5	6,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
62	20154236	Bùi Văn Trường	DH20OT			7,5	10	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
63	20154238	Lê Hoàng Tuấn	DH20OT			7,9	9,8	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
64	20154240	Trần Nhật Tuấn	DH20OT			7,9	9	3,0	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02264

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_06

Tổ Thi 002_DH200T_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 30/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20154075	Nguyễn Tuấn Vũ	DH200T	Vũ		79	10	38	53	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng 01

Ngày 02 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Trí

Nguyễn Văn Nghĩa

Nguyễn Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02268

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CKC_01**

Tổ Thi **001_DH21CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118166	Nguyễn Lộc An	DH21CKC			6,3		1,0	3,1	0012345678910	0123456789
2	21118175	Nguyễn Hoài Bảo	DH21CKC			8,9		3,5	5,7	0012345678910	0123456789
3	21118178	Phạm Lê Nguyễn Bảo	DH21CKC			6,7		3,0	4,5	0012345678910	0123456789
4	21118187	Nguyễn Chí Cường	DH21CKC			7,7		2,8	4,8	0012345678910	0123456789
5	21118191	Phạm Hùng Cường	DH21CKC			7,8		1,8	4,2	0012345678910	0123456789
6	21118197	Trần Công Danh	DH21CKC			6,8		5,0	5,7	0012345678910	0123456789
7	21118213	Đỗ Quang Duy	DH21CKC			8,2		7,5	7,8	0012345678910	0123456789
8	21118202	Nguyễn Văn Đạt	DH21CKC			9,0		7,0	7,8	0012345678910	0123456789
9	21118205	Lê Trọng Đức	DH21CKC			4,4		2,8	3,4	0012345678910	0123456789
10	21118231	Lê Quốc Hiền	DH21CKC			7,2		2,8	4,6	0012345678910	0123456789
11	21118234	Phạm Gia Hiếu	DH21CKC							0012345678910	0123456789
12	21118239	Trần Văn Hoài	DH21CKC			5,1		1,5	2,9	0012345678910	0123456789
13	21118258	Nguyễn Ngọc Huy	DH21CKC			4,5		0,5	1,9	0012345678910	0123456789
14	21118260	Nguyễn Vinh Huy	DH21CKC							0012345678910	0123456789
15	21118261	Phạm Ngọc Huy	DH21CKC			3,8		4,3	4,1	0012345678910	0123456789
16	21118266	Châu Vũ Gia Khang	DH21CKC							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02268

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CKC_01**

Tổ Thi **001_DH21CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118269	Nguyễn Quang Khang	DH21CKC							0012345678910	0123456789
18	21118277	Nguyễn Hoàng	DH21CKC	kh		5,0		4,5	4,7	0012345678910	0123456789
19	21118284	Phan Tấn Tuấn	DH21CKC	Phu		6,2		1,0	3,1	0012345678910	0123456789
20	21118286	Cao	DH21CKC			7,3		5,8	6,4	0012345678910	0123456789
21	21118299	Phạm Minh	DH21CKC	Ph		6,7		1,0	3,3	0012345678910	0123456789
22	21118307	Nguyễn Hoàng	DH21CKC	su		6,8		4,8	5,6	0012345678910	0123456789
23	21118321	Phạm Phước	DH21CKC	Vi		4,3		3,0	3,5	0012345678910	0123456789
24	21118323	Dương Thành	DH21CKC	Nh		8,4		8,5	8,5	0012345678910	0123456789
25	21118334	Huỳnh Nhật	DH21CKC							0012345678910	0123456789
26	21118349	Trần Minh	DH21CKC	Qu		7,1		6,3	6,6	0012345678910	0123456789
27	21118357	Nguyễn Đình	DH21CKC	Qu		6,5		1,5	3,5	0012345678910	0123456789
28	21118366	Trần Giang	DH21CKC	S		5,3		7,0	6,3	0012345678910	0123456789
29	21118370	Trần Lê Thế	DH21CKC	T		7,9		4,8	6,0	0012345678910	0123456789
30	21118380	Huỳnh Gia	DH21CKC	Th		8,2		5,5	6,6	0012345678910	0123456789
31	21118395	Phan Bùi Minh	DH21CKC	Tr						0012345678910	0123456789
32	21118401	Nguyễn Thành	DH21CKC	Tr		7,4		7,3	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02268

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CKC_01**

Tổ Thi **001_DH21CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118403	Bùi Xuân Trường	DH21CKC	<i>[Signature]</i>	2	8,4		8,5	8,5	0012345678910	0123456789
34	21118410	Nguyễn Anh Tuấn	DH21CKC							0012345678910	0123456789
35	21118418	Trần Huỳnh Thanh	DH21CKC	<i>[Signature]</i>		6,1		5,5	5,7	0012345678910	0123456789
36	21118428	Nguyễn Trần Vũ	DH21CKC							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22. Số sinh viên vắng 2....

Ngày 26 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

[Signature]
Nguyễn Võ Ngọc Bích

[Signature]
Trần Quang Trung

[Signature]
Nguyễn Thị Kiều Hạnh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	Nguyễn Duy An	DH20CK			6	7	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
2	20118125	Trần Thanh Bình	DH20CK			8	7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
3	20118147	Nguyễn Tấn Dũng	DH20CK			8	6	6.0	6.4	0012345678910	0123456789
4	20118011	Đặng Hữu Minh	DH20CK			7	8	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
5	20118149	Nguyễn Văn Duy	DH20CK			8	7	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
6	20118150	Phạm Hoàng Đông	DH20CK			8	7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
7	20154111	Nguyễn Văn Dương	DH20OT			6	8	9.0	8.2	0012345678910	0123456789
8	20118136	Võ Thái Đạt	DH20CK			8	7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
9	20118129	Lê Hải Đăng	DH20CK			8	7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
10	20118130	Trần Minh Đăng	DH20CK			8	8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
11	20118142	Đỗ Hoàng Đức	DH20CK			8	7	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			8	10	10.0	9.6	0012345678910	0123456789
13	20118143	Nguyễn Anh Đức	DH20CK			7	8	10.0	9.0	0012345678910	0123456789
14	20118144	Phạm Minh Đức	DH20CK			8	7	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
15	20118154	Nguyễn Xuân Hải	DH20CK			8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
16	20118164	Trần Trung Hiếu	DH20CK			8	10	10.0	9.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01522

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 % Đ1	Đ2 % Đ2	Điểm thi Đ1	Điểm T. kết Đ2	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			8	6	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
18	20118160	Nguyễn Minh Hiếu	DH20CK			8	6	1.0	3.4	0012345678910	0123456789
19	20153076	Nguyễn Trung Hiếu	DH20CD			8	7	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
20	20118166	Lâm Long Hồ	DH20CK			8	7	9.0	8.4	0012345678910	0123456789
21	20118173	Nguyễn Mạnh Huy	DH20CK			8	7	6.0	6.6	0012345678910	0123456789
22	20118175	Phan Lê Ngọc Huy	DH20CK			8	7	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
23	20118176	Võ Đức Phát Huy	DH20CK			8	6	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
24	20118170	Nguyễn Bình Hưng	DH20CK			8	6	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
25	20118181	Nguyễn Hoàng Khang	DH20CK			8	7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
26	20118182	Lê Minh Khanh	DH20CK			7	7	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
27	20118033	Nguyễn Quốc Khánh	DH20CK			6	5	2.0	3.4	0012345678910	0123456789
28	20118184	Võ Việt Khiêm	DH20CC			9	8	10.0	9.4	0012345678910	0123456789
29	20118187	Trần Tuấn Kiệt	DH20CK			8	8	10.0	9.2	0012345678910	0123456789
30	20118195	Hồ Quang Luyt	DH20CK			7	8	9.0	8.4	0012345678910	0123456789
31	20118198	Võ Quốc Minh	DH20CK			8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
32	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL			✓	✓	✓		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	20118212	Lê Thanh Nhân	DH20CK			9	8	7.5	7.9	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	20118214	Nguyễn Lê Trọng Nhân	DH20CK			7	8	7.5	7.5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	20118215	Phan Văn Nhát	DH20CK			8	7	7.0	7.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	20118222	Dương Tuấn Phát	DH20CK			7	5	2.0	3.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	20118223	Phan Kim Phát	DH20CK			✓	✓	✓		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	20118224	Phan Thành Phát	DH20CK			8	10	8.0	8.4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	20118235	Võ Hoài Phương	DH20CK			8	8	7.5	7.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT			6	6	7.0	6.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	20118243	Đỗ Đức Tài	DH20CK			8	7	7.0	7.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	20118245	Trần Minh Tài	DH20CK			7	6	4.0	5.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK			8	10	8.5	8.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	20118257	Nguyễn Phú Thành	DH20CK			8	7	6.0	6.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	20118258	Ung Ngọc Thành	DH20CK			8	10	10.0	9.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	20118264	Nguyễn Đức Thuận	DH20CK			8	7	6.0	6.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	20118271	Nguyễn Ngọc Toàn	DH20CK			8	7	6.0	6.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	20118272	Phạm Đức Toàn	DH20CK			8	6	6.0	6.4	○○○12345678910	○123456789
50	20118274	Nguyễn Trọng Triết	DH20CK			8	8	7.0	7.2	○○○12345678910	○123456789
51	20118275	Lê Minh Trọng	DH20CK			8	4	2.0	3.4	○○○12345678910	○123456789
52	20118276	Huỳnh Quang Trung	DH20CK			8	6	5.5	6.1	○○○12345678910	○123456789
53	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			8	7	9.0	8.4	○○○12345678910	○123456789
54	20118286	Nguyễn Thái Vi	DH20CK			8	8	8.0	8.0	○○○12345678910	○123456789
55	20118287	Ngô Anh Việt	DH20CK			8	8	8.5	8.1	○○○12345678910	○123456789
56	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			9	8	7.0	7.6	○○○12345678910	○123456789
57	20118289	Nguyễn Xuân Vinh	DH20CK			✓	✓	✓		○○○12345678910	○123456789
58	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			8	6	7.0	7.0	○○○12345678910	○123456789
59	20118291	Lâm Huỳnh Anh Vũ	DH20CK			8	10.	10.0	9.6	○○○12345678910	○123456789
60	20118292	Trần Quốc Vương	DH20CK			8	6	6.0	6.4	○○○12345678910	○123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Chức năng của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Lành


Nguyễn Nam Cường


Nguyễn Thanh Uyên


Nguyễn Văn Lành



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	Nguyễn Việt Nguyên	Chương	DH20CKC		8	8	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
2	20118151	Phùng Khánh	Duy	DH20CKC		8	8	9.0	8.4	0012345678910	0123456789
3	20118153	Lê Phan Minh	Hải	DH20CKC		8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
4	20118089	Thái Tấn	Lộc	DH20CKC		8	9	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
5	20118190	Lê Vĩnh	Lợi	DH20CKC		8	10	10.0	9.4	0012345678910	0123456789
6	20118191	Nguyễn Đức	Lợi	DH20CKC		8	8	9.5	8.7	0012345678910	0123456789
7	20118199	Chu Phương	Nam	DH20CKC	✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
8	20118205	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	DH20CKC	✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
9	20118226	Đào Sĩ	Phong	DH20CKC		9	9	10.0	9.6	0012345678910	0123456789
10	20118238	Đỗ Minh	Quang	DH20CKC		8	8	10.0	9.2	0012345678910	0123456789
11	20118249	Nguyễn Văn	Tâm	DH20CKC		8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
12	20118281	Lê Anh	Tuấn	DH20CKC		8	10	10.0	9.6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Lành

Nguyễn Nam Cường

Nguyễn Thanh Nghi

Nguyễn Văn Lành



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Ngô Thanh Phong (483)

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137063	Dương Lợi An	DH20NL					30 2,9		0012345678910	0123456789
2	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD					90 9,2		0012345678910	0123456789
3	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL					80 7,0		0012345678910	0123456789
4	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC					60 7,3		0012345678910	0123456789
5	20137068	Nguyễn Văn Đại	DH20NL					✓		0012345678910	0123456789
6	20118132	Nguyễn Gia Đạt	DH20CC					30 4,4		0012345678910	0123456789
7	20137009	Nguyễn Quốc Đạt	DH20NL					50 4,5		0012345678910	0123456789
8	20137075	Trương Tấn Hải	DH20NL					✓		0012345678910	0123456789
9	20118019	Nguyễn Võ Anh Hào	DH20CC					80 7,8		0012345678910	0123456789
10	20137077	Phùng Vĩ Hào	DH20NL					✓		0012345678910	0123456789
11	20137078	Lê Quang Hào	DH20NL					60 6,3		0012345678910	0123456789
12	20118159	Nguyễn Đoàn Thanh Hiền	DH20CC					40 5,2		0012345678910	0123456789
13	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK					✓		0012345678910	0123456789
14	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD					60 5,9		0012345678910	0123456789
15	20118162	Nguyễn Võ Xuân Hiếu	DH20CC					70 7,6		0012345678910	0123456789
16	20118165	Trần Văn Hiếu	DH20CC					80 7,7		0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118255	Hồ Quốc Huy	DH21CK					5,0	5,4	0012345678910	0123456789
18	20152008	Nguyễn Gia Huy	DH20CC						✓	0012345678910	0123456789
19	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC					4,0	5,2	0012345678910	0123456789
20	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC					5,0	6,8	0012345678910	0123456789
21	20137086	Lê Bảo Khang	DH20NL					7,0	5,9	0012345678910	0123456789
22	20137094	Huỳnh Hoài Lâm	DH20NL					5,0	4,9	0012345678910	0123456789
23	19118122	Đình Kỳ Linh	DH19CC					2,0	2,9	0012345678910	0123456789
24	20137096	Hà Phước Lộc	DH20NL					4,0	5,3	0012345678910	0123456789
25	20118192	Trần Danh Lợi	DH20CC					4,0	5,3	0012345678910	0123456789
26	20137098	Trần Đức Lương	DH20NL					7,0	6,3	0012345678910	0123456789
27	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC					5,5	6,3	0012345678910	0123456789
28	19118146	Thạch Minh	DH19CC					6,5	6,9	0012345678910	0123456789
29	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD						✓	0012345678910	0123456789
30	19118159	Đình Quang Nguyên	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
31	21153164	Bùi Đình Nhân	DH21CD					4,0	5,9	0012345678910	0123456789
32	20137100	Trần Thanh Pháp	DH20NL					7,0	6,5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	20137104	Bùi Lê Vĩnh Phú	DH20NL					80 7,3		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	20118230	Ung A Phú	DH20CC					70 6,9		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	20118054	Võ Duy Phương	DH20CC					55 6,7		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19137051	Phạm Trung Quân	DH20NL					80 7,3		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	20137110	Đinh Văn Quý	DH20NL					30 3,7		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	20137111	Trần Thanh Sang	DH20NL					✓		● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	20137115	Đặng Nguyễn Hoàng Thái	DH20NL					40 6,1		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	20137119	Lương Văn Thịnh	DH20NL					40 4,8		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	20118265	Đặng Văn Thuận	DH20CC					50 6,6		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	20118268	Nguyễn Hoàng Tiến	DH20CC					60 6,4		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC					60 5,4		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	20137126	Võ Bảo Toàn	DH20NL					70 7,3		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	20137129	Nguyễn Thanh Trang	DH20NL					55 5,8		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL					80 7,3		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC					50 6,8		○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	20137136	Nguyễn Quốc Việt	DH20NL					✓		● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 08

Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in: 06/06/2022 09:52

Nguyễn Quốc Việt

Nguyễn Thanh Trang



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118115	Đình Thế Anh	DH20CC					7,0	6,5	0012345678910	0123456789
2	20118118	Võ Nguyễn Văn Hoài Bắc	DH20CC					10	3,5	0012345678910	0123456789
3	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD					8,0	8,5	0012345678910	0123456789
4	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC						✓	0012345678910	0123456789
5	18153013	Nguyễn Văn Dur	DH18CD					6,0	7,8	0012345678910	0123456789
6	20118132	Nguyễn Gia Đạt	DH20CC					2,0	1,8	0012345678910	0123456789
7	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK					8,0	8,5	0012345678910	0123456789
8	20118019	Nguyễn Võ Anh Hào	DH20CC					2,0	2,0	0012345678910	0123456789
9	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL					7,0	6,5	0012345678910	0123456789
10	20118158	Bùi Vinh Hiền	DH20CC					5,0	5,8	0012345678910	0123456789
11	20118159	Nguyễn Đoàn Thanh Hiền	DH20CC					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
12	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC					8,0	8,8	0012345678910	0123456789
13	20118162	Nguyễn Võ Xuân Hiếu	DH20CC					4,0	6,0	0012345678910	0123456789
14	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK					7,0	8,0	0012345678910	0123456789
15	20118193	Đặng Ngọc Long	DH20CC					0,0	5,5	0012345678910	0123456789
16	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC					9,5	9,6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD					8,0	8,5	0012345678910	0123456789
18	20118218	Võ Thành Pháp	DH20CC					6,0	6,3	0012345678910	0123456789
19	20118221	Dương Tấn Phát	DH20CC					7,0	6,8	0012345678910	0123456789
20	20118220	Đỗ Minh Phát	DH20CC					7,0	6,8	0012345678910	0123456789
21	20118229	Mai Trọng Phú	DH20CC					6,0	5,8	0012345678910	0123456789
22	20118232	Huỳnh Trọng Phúc	DH20CC					7,0	7,3	0012345678910	0123456789
23	20118234	Trần Hưng Phụng	DH20CC					3,0	4,5	0012345678910	0123456789
24	20118242	Trần Quang Sang	DH20CC					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
25	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT					3,0	4,5	0012345678910	0123456789
26	20118246	Đoàn Văn Tâm	DH20CC					5,0	5,3	0012345678910	0123456789
27	20118253	Nguyễn Đình Thắng	DH20CC							0012345678910	0123456789
28	20118260	Nguyễn Văn Thịnh	DH20CC					4,0	2,8	0012345678910	0123456789
29	20118265	Đặng Văn Thuận	DH20CC					6,0	5,5	0012345678910	0123456789
30	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK					2,0	2,4	0012345678910	0123456789
31	20118268	Nguyễn Hoàng Tiến	DH20CC					3,0	4,0	0012345678910	0123456789
32	20118270	Huỳnh Quốc Toàn	DH20CC					1,0	1,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC					9,0	9,3	0012345678●10	012●456789
34	20118282	Nguyễn Đặng Minh Tuấn	DH20CC					4,0	5,3	001234●678910	012●456789

Số lượng vắng:

02

Hiện diện:

32

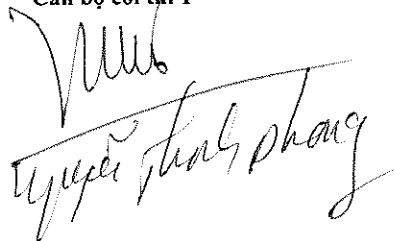
Cán bộ coi thi 1

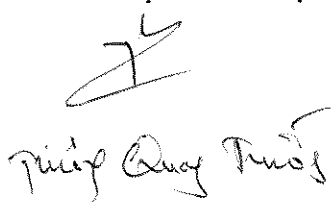
Cán bộ coi thi 2

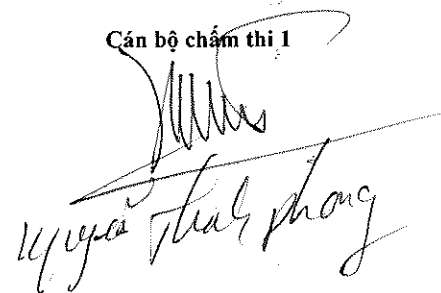
Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Thanh Phong


Phạm Quốc Tuấn


Nguyễn Thanh Phong



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 01

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			2,4	5,2		7,6	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			2,7	5,2		7,9	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			2,7	4,2		6,9	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			2,7	5,7		8,4	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đình Đức Mạnh	DH19CKC			2,7	5		7,7	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			2,4	6,5		8,9	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			1,8	6		7,8	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			2,7	4		6,7	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			2,7	6,3		9,0	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			2,4	6,3		8,7	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			2,7	6,3		9,0	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			2,4	6,3		8,7	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			2,4	6,3		8,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Phân hiệu

Nguyễn Văn Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153003	Nguyễn Khánh Bình	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20153061	Ma Văn Danh	DH20CD			2	7,2		9,2	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20153068	Trương Quang Denni	DH20CD			V	V		V	● ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20153072	Đỗ Mạnh Dũng	DH20CD			1,5	6,3		7,8	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20153073	Nguyễn Phương Duy	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20153062	Võ Văn Đạo	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	20153067	Nguyễn Tiến Đạt	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20153060	Phạm Hải Đăng	DH20CD			2	7,2		9,2	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20153075	Nguyễn Chí Hiếu	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20153080	Đoàn Huy Hoàng	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20153083	Trịnh Phi Hồng	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20153089	Trương Ngô Minh Huy	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	20153092	Nguyễn Em Hoàng Khoa	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20153093	Nguyễn Trung Kiên	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20153098	Nguyễn Minh Luân	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20153103	Trần Thuyết Minh	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153104	Nguyễn Hoài Nam	DH20CD			1,5	5,9		7,4	0012345678910	0123456789
18	20153112	Đoàn Hoàng Phúc	DH20CD			2	7,2		9,2	0012345678910	0123456789
19	20153114	Nguyễn Trần Quang	DH20CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
20	20153116	Phạm Mạnh Quốc	DH20CD			1,5	5,9		7,4	0012345678910	0123456789
21	20153118	Nguyễn Văn Tâm	DH20CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
22	20153123	Nguyễn Nhật Thi	DH20CD			V	V		V	0012345678910	0123456789
23	20153124	Nhan Thanh Thiên	DH20CD			1,5	4,9		6,4	0012345678910	0123456789
24	20153132	Nguyễn Tấn Trung	DH20CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
25	20153044	Trương Hải Việt	DH20CD			1,5	5,9		7,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%				
1	20153054	Trương Lê Hoài	An	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
2	20153057	Vương Trần Gia	Bảo	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
3	20153059	Lê Trường	Chinh	DH20CD			1,5	7,6		9,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	20153069	Nguyễn Thành	Diện	DH20CD			1,5	7,6		9,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	20153065	Nguyễn Thành	Đạt	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	20153071	Vừ A	Đức	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	20153076	Nguyễn Trung	Hiếu	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
8	20153078	Võ Minh	Hiếu	DH20CD			1,5	7,6		9,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	20153079	Hoàng Trọng	Hòa	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
10	20153082	Nguyễn Thanh	Hơn	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	20153084	Võ Phi	Hùng	DH20CD			1,5	7,1		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	20153087	Hồ Gia	Huy	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	20153095	Nguyễn Trần Nhật	Linh	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
14	20153096	Lê Thanh	Lộc	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	20153097	Nguyễn Minh	Luân	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
16	20153099	Nguyễn Hữu	Lý	DH20CD			1,5	7,2		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153113	Lê Văn Phúc	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	20153119	Tô Thành Tân	DH20CD			1,5	7,1		8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
19	20153031	Vũ Đình Tấn	DH20CD			✓	✓		✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	20153126	Trần Trương Minh Thống	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	20153128	Nguyễn Xuân Tiến	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	20153040	Lữ Trọng Trường	DH20CD			1,5	7,1		8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
23	20153133	Lương Anh Tú	DH20CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	20153138	Trần Tuấn Vi	DH20CD			1,5	6,4		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Ban Thi


N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%				
1	20118125	Trần Thanh	Bình	DH20CK			1,5	5,9		7,4	0012345678910	0123456789
2	20118147	Nguyễn Tấn	Dũng	DH20CK			1,5	5,9		7,4	0012345678910	0123456789
3	20118149	Nguyễn Văn	Duy	DH20CK			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
4	20118136	Võ Thái	Đạt	DH20CK			1,5	5,9		7,4	0012345678910	0123456789
5	20118129	Lê Hải	Đăng	DH20CK			1,5	5,5		7,0	0012345678910	0123456789
6	20118130	Trần Minh	Đăng	DH20CK			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
7	20118144	Phạm Minh	Đức	DH20CK			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
8	20118154	Nguyễn Xuân	Hải	DH20CK			1,5	6,3		7,8	0012345678910	0123456789
9	20118164	Trần Trung	Hiếu	DH20CK			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
10	20118160	Nguyễn Minh	Hiếu	DH20CK			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
11	20118166	Lâm Long	Hồ	DH20CK			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
12	20118173	Nguyễn Mạnh	Huy	DH20CK			1,5	5,9		7,4	0012345678910	0123456789
13	20118176	Võ Đức Phát	Huy	DH20CK			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
14	20118170	Nguyễn Bình	Hung	DH20CK			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
15	20118181	Nguyễn Hoàng	Khang	DH20CK			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
16	20118182	Lê Minh	Khanh	DH20CK			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

Cán bộ chấm thi 2

N. V. Kien



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	Nguyễn Duy An	DH20CK			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20118011	Đặng Hữu Minh	DH20CK			1,5	7,6		9,1	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20118150	Phạm Hoàng Đông	DH20CK			1,5	7,1		8,6	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20118143	Nguyễn Anh Đức	DH20CK			2	5,8		7,8	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20118175	Phan Lê Ngọc	DH20CK			1,5	7,1		8,6	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20118194	Nguyễn Minh Phi	DH20CK			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	20118207	Trần Minh Nghĩa	DH20CK			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20118209	Trần Thái	DH20CK			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20118210	Đào Nguyễn Trung	DH20CK			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20118212	Lê Thanh Nhân	DH20CK			2	6,3		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20118222	Dương Tuấn	DH20CK			1,5	7,6		9,1	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20118224	Phan Thành	DH20CK			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	20118107	Phạm Đình Phúc	DH20CK			1,5	6,8		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20118243	Đỗ Đức Tài	DH20CK			1,5	7,6		9,1	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20118245	Trần Minh Tài	DH20CK			2	6,3		8,3	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK			2	6,8		8,8	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118257	Nguyễn Phú Thành	DH20CK			2	6,3		8,3	0012345678910	0123456789
18	20118258	Ung Ngọc	DH20CK			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
19	20118264	Nguyễn Đức	DH20CK			2	6,3		8,3	0012345678910	0123456789
20	20118271	Nguyễn Ngọc	DH20CK			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
21	20118272	Phạm Đức	DH20CK			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
22	20118274	Nguyễn Trọng	DH20CK			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
23	20118276	Huỳnh Quang	DH20CK			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
24	20118278	Nguyễn Thành	DH20CK			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
25	20118291	Lâm Huỳnh Anh	DH20CK			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Quang Dũng

N. V. Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 01

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118125	Trần Thanh Bình	DH20CK			2,3	5,3		7,6	0012345678910	0123456789
2	20118147	Nguyễn Tấn Dũng	DH20CK			1,6	5,3		6,9	0012345678910	0123456789
3	20118149	Nguyễn Văn Duy	DH20CK			2,8	6,4		9,2	0012345678910	0123456789
4	20118130	Trần Minh Đăng	DH20CK			2	4,7		6,7	0012345678910	0123456789
5	20118144	Phạm Minh Đức	DH20CK			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
6	20118154	Nguyễn Xuân Hải	DH20CK			2,2	5		7,2	0012345678910	0123456789
7	20118164	Trần Trung Hiếu	DH20CK			2,3	6,2		8,5	0012345678910	0123456789
8	20118173	Nguyễn Mạnh Huy	DH20CK			2	5,3		7,8	0012345678910	0123456789
9	20118176	Võ Đức Phát Huy	DH20CK			1,9	6,2		8,1	0012345678910	0123456789
10	20118170	Nguyễn Bình Hưng	DH20CK			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
11	20118181	Nguyễn Hoàng Khang	DH20CK			1,9	4,2		6,1	0012345678910	0123456789
12	20118182	Lê Minh Khanh	DH20CK			2,4	5,3		7,7	0012345678910	0123456789
13	20118187	Trần Tuấn Kiệt	DH20CK			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
14	20118198	Võ Quốc Minh	DH20CK			2,2	5		7,2	0012345678910	0123456789
15	20118214	Nguyễn Lê Trọng Nhân	DH20CK			1,8	5		6,8	0012345678910	0123456789
16	20118215	Phan Văn Nhất	DH20CK			2,2	5,6		7,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 01

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118223	Phan Kim Phát	DH20CK			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20118224	Phan Thành Phát	DH20CK			2,2	5		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
19	20118225	Trần Nhật Phát	DH20CK			1,8	4,8		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
20	20118255	Nguyễn Quốc Thắng	DH20CK			1,9	5,3		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
21	20118275	Lê Minh Trọng	DH20CK			2,3	5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
22	20118286	Nguyễn Thái Vi	DH20CK			1,6	4,8		6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
23	20118287	Ngô Anh Việt	DH20CK			1,7	5		6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
24	20118289	Nguyễn Xuân Vinh	DH20CK			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20118292	Trần Quốc Vương	DH20CK			2,2	5		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Quang Tường

Nguyễn Văn Kiệp

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04											
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%				
1	20118111	Nguyễn Duy An	DH20CK			1,8	4,4		6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20118011	Đặng Hữu Minh Duy	DH20CK			2,2	4,5		6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
3	20118150	Phạm Hoàng Đông Duy	DH20CK			1,8	5,3		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20118129	Lê Hải Đăng	DH20CK			2	3,6		5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
5	20118166	Lâm Long Hồ	DH20CK			2,3	5,6		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
6	20118175	Phan Lê Ngọc Huy	DH20CK			1,9	5,6		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20118194	Nguyễn Minh Phi Long	DH20CK			1,9	5		6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
8	20118207	Trần Minh Nghĩa	DH20CK			2	4,7		6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
9	20118209	Trần Thái Ngọc	DH20CK			1,9	3,9		5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
10	20118210	Đào Nguyễn Trung Nguyên	DH20CK			2,5	3,3		5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
11	20118212	Lê Thanh Nhân	DH20CK			1,8	5		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
12	20118222	Dương Tuấn Phát	DH20CK			2,2	5,3		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20118235	Võ Hoài Phương	DH20CK			2,3	5,9		8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20118243	Đỗ Đức Tài	DH20CK			2	5,3		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑨
15	20118245	Trần Minh Tài	DH20CK			2,2	5,6		7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
16	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118257	Nguyễn Phú Thành	DH20CK			2,3	4,8		7,1	0012345678910	0123456789
18	20118258	Ung Ngọc	DH20CK			2,8	5		7,8	0012345678910	0123456789
19	20118264	Nguyễn Đức	DH20CK			1,6	4,2		5,8	0012345678910	0123456789
20	20118271	Nguyễn Ngọc	DH20CK			2,2	5,3		7,5	0012345678910	0123456789
21	20118272	Phạm Đức	DH20CK			1,6	5		6,6	0012345678910	0123456789
22	20118274	Nguyễn Trọng	DH20CK			2	4,7		6,7	0012345678910	0123456789
23	20118276	Huỳnh Quang	DH20CK			1,9	4,8		6,7	0012345678910	0123456789
24	20118278	Nguyễn Thành	DH20CK			2,4	5,6		8,0	0012345678910	0123456789
25	20118291	Lâm Huỳnh Anh	DH20CK			1,8	5		6,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Phòng Tuyển

Nguyễn Văn Kiệp

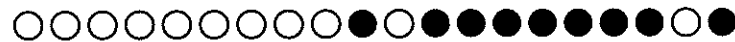
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154124	Ngô Trương Công Bằng	DH21OT			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	21154155	Vũ Anh	DH21OT			1,9	5		6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
3	21154158	Nguyễn Quốc Duy	DH21OT			2	4,8		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
4	21154148	Võ Đình Đạt	DH21OT			1,8	4,8		6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
5	21154160	Nguyễn Đặng Hoàng Gia	DH21OT			1,3	5		6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	21154034	Nguyễn Nhật Huy	DH21OT			✓	✓		✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	21154202	Nguyễn Trung Kiên	DH21OT			1,8	5		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
8	21154236	Bùi Khắc Nam	DH21OT			1,7	4,7		6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	21154294	Lê Thành Tài	DH21OT			1,6	5		6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
10	21154298	Huỳnh Minh Tâm	DH21OT			✓	✓		✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	21154301	Nguyễn Minh Tâm	DH21OT			1,6	4,2		5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
12	21154304	Nguyễn Anh Tấn	DH21OT			1,3	5		6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	21154305	Hồ Hồng Thạch	DH21OT			2,3	5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	21154312	Đỗ Minh Tất Thành	DH21OT			2,5	5,3		7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
15	21154315	Phạm Chí Thành	DH21OT			1,8	5,3		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	21154307	Lê Viết Thắng	DH21OT			1,8	5,3		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154325	Nguyễn Minh Thông	DH21OT			2,3	4,8		7,1	0012345678910	0123456789
18	21154330	Nguyễn Minh Tiến	DH21OT			1,8	4,7		6,5	0012345678910	0123456789
19	21154339	Trần Anh Trí	DH21OT			2,2	5		7,2	0012345678910	0123456789
20	21154340	Trương Công Trí	DH21OT			2,2	5,6		7,8	0012345678910	0123456789
21	21154342	Tạ Khánh Trinh	DH21OT			1,8	4,8		6,6	0012345678910	0123456789
22	21154105	Trương Quốc Trung	DH21OT			1,6	4,2		5,8	0012345678910	0123456789
23	21154349	Hồ Võ Duy Tuấn	DH21OT			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
24	21154356	Trần Lê Thanh Tùng	DH21OT			2,3	4,5		6,8	0012345678910	0123456789
25	21154362	Lê Phạm Anh Vũ	DH21OT			V	V		V	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Đông

Trần Văn Đông

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154002	Lê Chí Bảo	DH21OT			2,3	5		7,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	21154137	Lê Thành Công	DH21OT			V	V		V	● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	21154154	Trương Tấn Dũng	DH21OT			2,2	4,8		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	21154145	Nguyễn Hải Đăng	DH21OT			2,5	5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	21154183	Nguyễn Minh Hoàng	DH21OT			2,2	4,8		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	21154184	Nguyễn Văn Hoàng	DH21OT			2,2	5,3		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	21154200	Đoàn Nguyễn Linh Khôi	DH21OT			2,5	5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	21154208	Nguyễn Cao Kỳ	DH21OT			2	5		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	21154217	Hồ Quốc Long	DH21OT			1,9	5		6,9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
10	21154213	Hoàng Xuân Lộc	DH21OT			2,3	3,9		6,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	21154231	Trần Đức Mến	DH21OT			2,3	5		7,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	21154241	Lê Minh Nghĩa	DH21OT			2,5	5,6		8,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	21154245	Vũ Xuân Ngọc	DH21OT			V	V		V	● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	21154265	Lê Thiên Phú	DH21OT			2	4,8		6,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
15	21154266	Nguyễn Thanh Phú	DH21OT			2,8	4,8		7,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
16	21154275	Trần Bình Phương	DH21OT			1,8	4,8		6,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 09

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154278	Vũ Minh Quân	DH21OT			2,5	5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
18	21154295	Nguyễn Chí Tài	DH21OT			2,3	4,8		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
19	21154094	Trịnh Ngọc Tâm	DH21OT			2,4	4,8		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
20	21154318	Trịnh Chấn Thành	DH21OT			2,6	2,6		6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
21	21154331	Vũ Xuân Tiến	DH21OT			2,2	5		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
22	21154335	Huỳnh Châu Triều	DH21OT			1,6	5		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
23	21154108	Nguyễn Ngọc Tuấn	DH21OT			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	21154359	Phan Thế Vinh	DH21OT			1,8	5,6		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
25	21154114	Hồ Phạm Tường Vy	DH21OT			2,3	5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhân của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

72
Tulip Giang Tulip

Thân văn đồng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 10

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154117	Đào Lê Xuân An	DH21OT			2,2	4,4		6,6	0012345678910	0123456789
2	21154127	Lê Vũ Bảo	DH21OT			1,6	5		6,6	0012345678910	0123456789
3	21154128	Nguyễn Ngọc Bảo	DH21OT			1,6	4,9		6,5	0012345678910	0123456789
4	21154132	Phạm Thế Châu	DH21OT			1,8	5		6,8	0012345678910	0123456789
5	21154135	Trương Văn Chung	DH21OT			2	5,3		7,3	0012345678910	0123456789
6	21154140	Võ Thành Công	DH21OT			2,4	5		7,4	0012345678910	0123456789
7	21154147	Lê Văn Đạt	DH21OT			2,2	4,7		6,9	0012345678910	0123456789
8	21154168	Lê Gia Hiệp	DH21OT			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
9	21154173	Nguyễn Minh Hiếu	DH21OT			1,9	4,5		6,4	0012345678910	0123456789
10	21154176	Lê Hoàng An Hòa	DH21OT			2,1	5,9		8,0	0012345678910	0123456789
11	21154178	Nguyễn Đức Hoài	DH21OT			1,8	4,2		6,0	0012345678910	0123456789
12	21154186	Nguyễn Phi Hùng	DH21OT			1,4	4,7		6,1	0012345678910	0123456789
13	21154193	Phan Đình Minh Kha	DH21OT			2	5,3		7,3	0012345678910	0123456789
14	21154207	Lương Thành Kim	DH21OT			2	5,3		7,3	0012345678910	0123456789
15	21154221	Hoàng Phi Lót	DH21OT			2	5,9		7,9	0012345678910	0123456789
16	21154228	Văn Trọng Lực	DH21OT			2	5		7,0	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Số lượng vãng:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhân của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Tông

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154139	Phạm Đức Công	DH21OT			2,3	5,8		8,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	21154165	Huỳnh Chí Hào	DH21OT			2,6	4,8		7,4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	21154169	Nguyễn Tấn Hiệp	DH21OT			1,8	5,3		7,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	21154232	Nguyễn Bình Minh	DH21OT			1,3	4,2		5,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	21154238	Trần Hoài Nam	DH21OT			1,8	3,7		5,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	21154246	Mã Vinh Nguyên	DH21OT			2,2	4,4		6,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
7	21154066	Nguyễn Đức Nguyên	DH21OT			2	5		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	21154248	Phan Tam Nguyên	DH21OT			1,6	4,4		6,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	21154255	Nguyễn Minh Nhựt	DH21OT			2	5,3		7,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	21154257	Huỳnh Tấn Phát	DH21OT			1,6	5		6,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
11	21154261	Trần Thanh Phong	DH21OT			V	V		V	● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	21154269	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21OT			1,6	4,8		6,4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	21154277	Trần Đức Minh Quân	DH21OT			2,2	5,3		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	21154281	Đào Phú Quý	DH21OT			2,2	6,2		8,4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	21154283	Nguyễn Danh Quý	DH21OT			2	5,3		7,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	21154286	Mai Phước Trường Sinh	DH21OT			1,8	5		6,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Cán bộ chấm thi 2

7
Thầy Quý Thầy


Trần Văn Trọng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 12

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154121	Lê Hoàng Việt	Anh	DH21OT		2,4	5		7,4	0012345678910	0123456789
2	21154007	Đình Nhật	Đặng	DH21OT		1,9	4,8		6,7	0012345678910	0123456789
3	21154150	Nguyễn Hoàng	Đông	DH21OT		2,3	4,8		7,1	0012345678910	0123456789
4	21154199	Đình Đăng	Khoa	DH21OT		1,8	5		6,8	0012345678910	0123456789
5	21154045	Trần Lê Thiên	Khoa	DH21OT		2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
6	21154048	Phan Quốc	Kiệt	DH21OT		2,3	5,3		7,6	0012345678910	0123456789
7	21154235	Phạm Ngọc	Minh	DH21OT		2,3	5,6		7,9	0012345678910	0123456789
8	21154247	Nguyễn Thảo	Nguyễn	DH21OT		2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
9	21154249	Huỳnh Thành	Nhân	DH21OT		1,8	5		6,8	0012345678910	0123456789
10	21154250	Nguyễn Đình	Nhân	DH21OT		2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789
11	21154258	Lê Thành	Phát	DH21OT		2	4,5		6,5	0012345678910	0123456789
12	21154262	Bùi Phan Duy	Phú	DH21OT		2,2	5		7,2	0012345678910	0123456789
13	21154280	Nguyễn Tuấn	Quang	DH21OT		2,3	5		7,3	0012345678910	0123456789
14	21154276	Phạm Nguyễn Minh	Quân	DH21OT		2,5	5		7,5	0012345678910	0123456789
15	21154284	Bùi Ngọc	Quyết	DH21OT		2,2	4,1		6,3	0012345678910	0123456789
16	21154285	Trần Tiến	Sang	DH21OT		2,2	5,3		7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 12

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154288	Lý Hồng Sơn	DH21OT			1,9	4,8		6,7	0012345678910	0123456789
18	21154290	Nguyễn Thanh Sơn	DH21OT			2,3	4,8		7,1	0012345678910	0123456789
19	21154293	Đinh Công Tài	DH21OT			2,8	5,9		8,7	0012345678910	0123456789
20	21154303	Mai Lê Xuân Tấn	DH21OT			1,6	5		6,6	0012345678910	0123456789
21	21154316	Phạm Đình Thành	DH21OT			2,2	4,5		6,7	0012345678910	0123456789
22	21154308	Nguyễn Đức Thắng	DH21OT			1,8	4,8		6,6	0012345678910	0123456789
23	21154324	Huỳnh Phúc Thoại	DH21OT			2	4,2		6,2	0012345678910	0123456789
24	21154326	Trần Hoàng Thông	DH21OT			1,4	4,8		6,2	0012345678910	0123456789
25	21154347	Ngô Như Tú	DH21OT			2	5,3		7,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 13

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154133	Nguyễn Quốc Chí	DH21OT			1,9	5		6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
2	21154146	Đặng Trần Danh	DH21OT			2,3	5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	21154152	Chế Minh Anh Dũng	DH21OT			1,8	5,3		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	21154153	Lê Quang Dũng	DH21OT			1,6	4,1		5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
5	21154144	Ngô Hải Đăng	DH21OT			2,3	5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	21154151	Cao Duy Đức	DH21OT			1,6	4,8		6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	21154161	Nguyễn Văn Giàu	DH21OT			1,9	5,3		7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	21154164	Đỗ Tuấn Hào	DH21OT			1,6	4,4		6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	21154166	Võ Tấn Anh Hào	DH21OT			2,2	5		7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	21154177	Hà Minh Hoài	DH21OT			1,8	5		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
11	21154194	Lê Quang Khải	DH21OT			2,3	4,6		6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
12	21154201	Bùi Thanh Khuyên	DH21OT			1,8	5,6		7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	21154046	Hứa Tuấn Kiệt	DH21OT			1,8	4,8		6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	21154204	Nguyễn Anh Kiệt	DH21OT			2,2	5,3		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	21154209	Nguyễn Văn Lâm	DH21OT			1,6	5		6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
16	21154219	Võ Công Long	DH21OT			1,6	3,9		5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 13

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154222	Hồ Nguyễn Thành Luân	DH21OT			1,7	4,8		6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	21154224	Nguyễn Kim Luân	DH21OT			1,3	5,3		6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
19	21154227	Võ Thành Luân	DH21OT			2,2	4,8		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	21154229	Lê Mẫn	DH21OT			2,2	5		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	21154251	Nguyễn Minh Nhật	DH21OT			V	V		V	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	21154259	Nguyễn Tiến Phát	DH21OT			1,6	3,9		5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	21154268	Lê Hồng Phúc	DH21OT			1,7	4,7		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
24	21154338	Nguyễn Nhựt Trí	DH21OT			2,2	4,8		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	21154351	Nguyễn Hoàng Tuấn	DH21OT			1,8	5		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

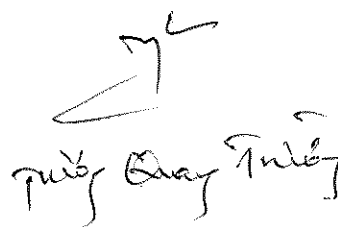
Cán bộ coi thi 1

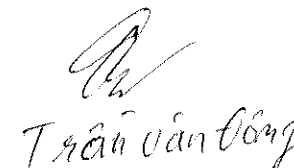
Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Ban Thi


Trần Văn Đông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 14

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154123	Trần Hoàng Anh	DH21OT			1,6	4,8		6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	21154119	Ngô Hoàng Ân	DH21OT			2,2	4,8		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	21154142	Phạm Thế Dân	DH21OT			2,3	5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	21154174	Nguyễn Ngọc Trung	DH21OT			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	21154179	Đoàn Thế Hoàn	DH21OT			1,8	4,8		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	21154187	Nguyễn Thanh Hùng	DH21OT			1,8	4,2		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	21154190	Nguyễn Đức Lê	DH21OT			2,5	4,2		6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	21154195	Phạm Quang Khải	DH21OT			1,8	4,2		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	21154211	Võ Tấn Lịch	DH21OT			2,4	5		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	21154216	Đinh Hoàng Châu	DH21OT			2	3,9		5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	21154226	Nguyễn Thành Luân	DH21OT			1,9	4,8		6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	21154230	Phạm Văn Mạnh	DH21OT			2	4,4		6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	21154256	Võ Ngọc Minh	DH21OT			1,4	4,4		5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	21154075	Lê Văn Phát	DH21OT			2,3	4,5		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	21154267	Tăng Văn Phú	DH21OT			1,9	4,2		6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	21154273	Trương Hồng Phúc	DH21OT			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01539

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 14

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154279	Đỗ Nhật Quang	DH21OT			2,2	4,5		6,7	0012345678910	0123456789
18	21154300	Nguyễn Đình Tâm	DH21OT			2	4,2		6,2	0012345678910	0123456789
19	21154093	Phan Thành Tâm	DH21OT			2,3	4,8		7,1	0012345678910	0123456789
20	21154317	Phạm Dương Quốc Thành	DH21OT			1,8	4,1		5,9	0012345678910	0123456789
21	21154310	Trịnh Minh Thắng	DH21OT			2,2	4,7		6,9	0012345678910	0123456789
22	21154323	Nguyễn Hoàng Trường Thịnh	DH21OT			2,5	5		7,5	0012345678910	0123456789
23	21154350	Lê Quang Tuấn	DH21OT			2,3	5,3		7,6	0012345678910	0123456789
24	21154355	Võ Thành Tuấn	DH21OT			2,2	5,6		7,8	0012345678910	0123456789
25	21154360	Trần Đình Quang Vinh	DH21OT			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Đông

Trần Văn Đông



Mã nhận dạng 02273

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **001_DH21CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21115009	Lê Minh Châu	DH21GN			4,1		3,0	3,4	0012345678910	0123456789
2	21118182	Vũ Đình Chương	DH21CC							0012345678910	0123456789
3	21115113	Nguyễn Mạnh Cường	DH21GB							0012345678910	0123456789
4	21118208	Lê Quý Dung	DH21CC			1,8		6,0	4,3	0012345678910	0123456789
5	18115018	Võ Thị Thu Dung	DH18GN							0012345678910	0123456789
6	21115132	Lê Anh Dũng	DH21GN							0012345678910	0123456789
7	18115024	Nguyễn Lê Thùy Duyên	DH18GN			0		2,0	1,2	0012345678910	0123456789
8	18115025	Phạm Trần Ngọc Duyên	DH18CB			5,3		3,1	4,0	0012345678910	0123456789
9	21115129	Đỗ Tiến Đạt	DH21GB			4,0		6,3	5,4	0012345678910	0123456789
10	21118201	Lê Tấn Đạt	DH21CC							0012345678910	0123456789
11	21118031	Trần Gia Diên	DH21CC			5,3		3,3	4,1	0012345678910	0123456789
12	21115131	Đoàn Huỳnh Đạt Đức	DH21GB							0012345678910	0123456789
13	21118044	Nguyễn Quốc Em	DH21CC			6,1		7,0	6,6	0012345678910	0123456789
14	18115026	Trần Hà Trà Giang	DH18GN			6,3		7,3	6,9	0012345678910	0123456789
15	18115027	Nguyễn Quỳnh Giao	DH18GN			6,5		6,3	6,4	0012345678910	0123456789
16	21118222	Vũ Đình Hải	DH21CC			7,1		6,8	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02273

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **001_DH21CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21115138	Đặng Bảo	Hân	DH21GN		6,9		7,0	7,0	0012345678910	0123456789
18	17115143	Nguyễn Công	Hiếu	DH17GB		5,0		5,8	5,5	0012345678910	0123456789
19	21115156	Trần Thị Lệ	Huyền	DH21GB		3,3		3,5	3,4	0012345678910	0123456789
20	21118250	Huỳnh Văn	Hưng	DH21KN						0012345678910	0123456789
21	18115047	Nguyễn Duy	Khang	DH18GN						0012345678910	0123456789
22	18115049	Trần Vĩnh	Khang	DH18CB		5,0		5,3	5,2	0012345678910	0123456789
23	21115159	Lê Minh	Khánh	DH21GN		5,9		4,8	5,2	0012345678910	0123456789
24	21115029	Võ Huỳnh Thủ	Khoa	DH21GB		3,4		4,5	4,1	0012345678910	0123456789
25	18115051	Nguyễn Vũ Khánh	Lam	DH18CB		5,3		5,3	5,3	0012345678910	0123456789
26	21115164	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	DH21GN		7,3		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
27	21118294	Võ Nguyễn Gia	Lập	DH21CC		8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
28	21115037	Hà Thị Khánh	Linh	DH21GB		4,6		5,8	5,3	0012345678910	0123456789
29	21118297	Lê Phát Tài	Lộc	DH21CC		6		4,0	0,6	0012345678910	0123456789
30	21118086	Nguyễn Thiên	Lộc	DH21CC		8,3		7,8	8,0	0012345678910	0123456789
31	21115040	Trần Hữu	Lộc	DH21GN		7,3		4,0	5,3	0012345678910	0123456789
32	18115061	Đoàn Quốc	Luân	DH18CB		5,7		7,3	6,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02273

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **001_DH21CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL							0012345678910	0123456789
34	21115262	Nguyễn Đức Minh	DH21GB							0012345678910	0123456789
35	17115070	Trần Công Minh	DH17GN							0012345678910	0123456789
36	21118316	Trần Phương Nam	DH21CC	<i>Phan</i>		5,0		7,5	6,5	0012345678910	0123456789
37	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC	<i>Nguyen</i>		7,0		7,5	7,3	0012345678910	0123456789
38	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD	<i>Nguyen</i>		4,8		7,3	6,3	0012345678910	0123456789
39	18115066	Phạmnhur Ngọc	DH18GN	<i>Phan</i>		7,3		6,0	6,5	0012345678910	0123456789
40	21118320	Nguyễn Khôi Nguyên	DH21CC	<i>Nguyen</i>		6,6		6,0	6,2	0012345678910	0123456789
41	21115182	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	DH21GN	<i>Phan</i>		8,5		7,3	7,8	0012345678910	0123456789
42	21115185	Trần Thị Yến Nhi	DH21GB	<i>Phan</i>		5,2		3,2	4,0	0012345678910	0123456789
43	21115055	Nguyễn Thị Thùy Nhiên	DH21GN	<i>Phan</i>		7,2		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
44	18115071	Thái Xuân Tuyết Nhung	DH18GN	<i>Phan</i>		6,7		5,5	6,0	0012345678910	0123456789
45	21115193	Từ Minh Phi	DH21GB							0012345678910	0123456789
46	21115063	Đào Thu Phương	DH21GN							0012345678910	0123456789
47	21115202	Nguyễn Huy Quang	DH21GN	<i>Quang</i>		5,5		8,0	7,0	0012345678910	0123456789
48	21118348	Phạm Thanh Quang	DH21CC	<i>Quang</i>		5,1		7,5	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02273

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **001_DH21CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21118345	Đặng Minh Quân	DH21CC			5,8		7,3	6,7	0012345678910	0123456789
50	21115203	Tạ Thị Phú Quý	DH21GN			7,0		6,3	6,6	0012345678910	0123456789
51	21115208	Nguyễn Phúc Sơn	DH21GB			3,7		4,3	4,1	0012345678910	0123456789
52	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK			8,0		7,8	7,9	0012345678910	0123456789
53	21115257	Nguyễn Lương Hoài Tâm	DH21GN			4,8		3,4	4,0	0012345678910	0123456789
54	21118372	Trần Nhật Tân	DH21CC			8,4		9,0	8,8	0012345678910	0123456789
55	21118376	Lê Thế Thanh	DH21CC			6,6		6,8	6,7	0012345678910	0123456789
56	21118377	Bùi Tiến Thành	DH21CC			7,3		7,8	7,6	0012345678910	0123456789
57	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT			8,4		8,8	8,6	0012345678910	0123456789
58	21118374	Nguyễn Huỳnh Quốc Thắng	DH21CC			6,7		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
59	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT							0012345678910	0123456789
60	18115089	Đào Như Thịnh	DH18CB			6,7		4,3	5,3	0012345678910	0123456789
61	21118384	Nguyễn Ngọc Thuận	DH21CC			6,3		7,3	7,0	0012345678910	0123456789
62	21118385	Mai Duy Thuật	DH21CC			7,0		8,0	7,6	0012345678910	0123456789
63	21115216	Nguyễn Kiều Hoàng Thư	DH21GB			3,3		3,0	3,1	0012345678910	0123456789
64	21115217	Nguyễn Ngọc Nhã Thư	DH21GB							0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02273

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **001_DH21CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18115900	Nguyễn Thị Minh	Thư	DH18GN						0012345678910	0123456789
66	21118390	Ngô Hoàng Bảo	Tiến	DH21CC		6,8		6,0	6,3	0012345678910	0123456789
67	18115098	Nguyễn Phúc	Tiến	DH18CB		4,1		5,8	5,1	0012345678910	0123456789
68	21115226	Tăng Văn	Tiến	DH21GB		3,5		3,3	3,4	0012345678910	0123456789
69	21118394	Phạm Minh	Trí	DH21CC		8,0		3,8	5,5	0012345678910	0123456789
70	16115246	Đương Nguyễn Bá	Triệu	DH16GN						0012345678910	0123456789
71	21118398	Lê Quốc	Triệu	DH21CC		3,5		6,3	5,2	0012345678910	0123456789
72	21115233	Dương Văn	Trong	DH21GB		3,7		4,5	4,2	0012345678910	0123456789
73	18118168	Cao Quang	Trường	DH18CK		3,4		7,8	6,0	0012345678910	0123456789
74	21118406	Phạm Văn	Trường	DH21CC		8,8		8,8	8,8	0012345678910	0123456789
75	21115238	Diệp Huỳnh Thái	Tú	DH21GN		5,9		2,7	4,0	0012345678910	0123456789
76	21118407	Nguyễn Anh	Tú	DH21CC		8,2		8,8	8,6	0012345678910	0123456789
77	21115239	Nguyễn Ngô Mỹ	Tú	DH21GB						0012345678910	0123456789
78	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC		7,3		7,5	7,4	0012345678910	0123456789
79	21118409	Đoàn Nguyễn Anh	Tuấn	DH21CC		0		7,8	4,7	0012345678910	0123456789
80	21115244	Nguyễn Quốc	Việt	DH21GN		4,0		6,8	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02273

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_01**

Tổ Thi **001_DH21CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
81	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			0		5,8	3,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 24 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Phan Hong Nghia

Phòng Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Võ Huy Thịnh

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02274

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_02**

Tổ Thi **001_DH21CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21115001	Đinh Huỳnh Lan	Anh	DH21GN		70		40	5,2	0012345678910	0123456789
2	21115116	Huỳnh Nhật	Anh	DH21GB		60		48	5,3	0012345678910	0123456789
3	21115118	Nguyễn Ngọc Kiều	Anh	DH21GN		67		38	5,0	0012345678910	0123456789
4	21115119	Trần Phương	Anh	DH21GB						0012345678910	0123456789
5	21118172	Huỳnh Hải	Bằng	DH21CC		71		85	7,9	0012345678910	0123456789
6	21118173	Trần Lê	Bằng	DH21CC		73		88	8,2	0012345678910	0123456789
7	21118188	Nguyễn Duy	Cường	DH21CC		73		53	6,1	0012345678910	0123456789
8	21118195	Bùi Đại	Danh	DH21CC		68		58	6,2	0012345678910	0123456789
9	21115128	Nguyễn Thị Hoài	Danh	DH21GB						0012345678910	0123456789
10	21118210	Trần Lê Quốc	Dũng	DH21CC		45		63	5,6	0012345678910	0123456789
11	21118036	Cao Bảo	Duy	DH21CC		88		80	8,3	0012345678910	0123456789
12	21118212	Đặng Thái	Duy	DH21CC						0012345678910	0123456789
13	21115133	Lê Đức	Duy	DH21GN		76		65	6,9	0012345678910	0123456789
14	21118219	Nguyễn Thanh	Duy	DH21CC		78		83	8,1	0012345678910	0123456789
15	21118026	Huỳnh Tấn	Đạt	DH21CC		85		90	8,8	0012345678910	0123456789
16	21118203	Trần Thanh	Đạt	DH21CC		55		50	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02274

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_02**

Tổ Thi **001_DH21CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118221	Trần Nhật Hải	DH21CC							0012345678910	0123456789
18	21115142	Lê Thị Hào	DH21GN	Hào		7,1		5,0	5,8	0012345678910	0123456789
19	21118048	Nguyễn Đăng Nhật	DH21CC							0012345678910	0123456789
20	21118225	Hồ Đức Hào	DH21CC			4,1		4,8	4,5	0012345678910	0123456789
21	21118229	Trần Văn Hậu	DH21CC			2,0		6,3	4,6	0012345678910	0123456789
22	21118233	Đỗ Sơn Hiếu	DH21CC			5,7		7,5	6,8	0012345678910	0123456789
23	21115148	Phạm Hữu Hòa	DH21GN	Hòa		2,8		2,0	2,3	0012345678910	0123456789
24	21115024	Nguyễn Hữu Hoàng	DH21GN	Hoàng		6,1		5,0	5,4	0012345678910	0123456789
25	21118058	Trần Vĩnh Hoàng	DH21CC			4,0		6,5	5,5	0012345678910	0123456789
26	21118254	Dương Gia Huy	DH21CC			6,4		6,8	6,6	0012345678910	0123456789
27	21118256	Lý Triệu Huy	DH21CC			7,7		7,5	7,6	0012345678910	0123456789
28	21118267	Huỳnh Thái Khang	DH21CC			5,3		5,5	5,4	0012345678910	0123456789
29	21118272	Đỗ Đăng Khoa	DH21CC			4,9		4,3	4,5	0012345678910	0123456789
30	21118273	Huỳnh Đăng Khoa	DH21CC			9,2		9,0	9,1	0012345678910	0123456789
31	21118274	Nguyễn Thành Khoa	DH21CC			6,1		3,0	4,2	0012345678910	0123456789
32	21118276	Huỳnh Minh Khôi	DH21CC			5,3		8,0	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02274

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_02**

Tổ Thi **001_DH21CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118081	Ngô Tuấn Kiệt	DH21CC							0012345678910	0123456789
34	21118285	Trần Anh	DH21CC			5,5		2,5	3,7	0012345678910	0123456789
35	21118288	Đinh Văn Lâm	DH21CC			7,8		8,3	8,1	0012345678910	0123456789
36	21115165	Nguyễn Gia Linh	DH21GN							0012345678910	0123456789
37	21118301	Nguyễn Thành Luân	DH21CC			8,0		8,8	8,5	0012345678910	0123456789
38	21115169	Lâm Tâm Mẫn	DH21GN			5,8		4,3	4,9	0012345678910	0123456789
39	21118311	Phạm Văn Minh	DH21CC			7,2		8,3	7,9	0012345678910	0123456789
40	21118319	Trương Văn Ngọ	DH21CC			7,5		7,3	7,4	0012345678910	0123456789
41	21118322	Trần Thái Nguyên	DH21CC			7,1		7,8	7,5	0012345678910	0123456789
42	21115180	Phạm Hồng Nhạn	DH21GN			7,5		4,8	5,9	0012345678910	0123456789
43	21118325	Trần Hoàng Nhân	DH21CC			8,0		7,0	7,4	0012345678910	0123456789
44	21118327	Nguyễn Trọng Nhất	DH21CC			4,8		7,5	6,4	0012345678910	0123456789
45	21115183	Nguyễn Thị Ý Nhi	DH21GB			5,8		4,8	5,2	0012345678910	0123456789
46	21115194	Nguyễn Văn Phong	DH21GN			7,4		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
47	21118336	Lê Quang Phú	DH21CC			7,7		5,5	6,4	0012345678910	0123456789
48	21115199	Võ Thị Thu Phương	DH21GN			6,8		5,8	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02274

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_02**

Tổ Thi **001_DH21CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21118354	Đình Văn Quý	DH21CC			6,1		6,5	6,3	0012345678910	0123456789
50	21118355	Hồ Văn Minh Quý	DH21CC			6,5		3,8	4,9	0012345678910	0123456789
51	21118358	Nguyễn Thân Hữu	DH21CC			6,4		4,0	5,0	0012345678910	0123456789
52	21118361	Trần Thái Quyền	DH21CC			7,6		3,5	5,1	0012345678910	0123456789
53	21115067	Quách Mạnh Quỳnh	DH21GN			6,3		2,8	4,2	0012345678910	0123456789
54	21118362	Châu Văn Sang	DH21CC			9		4,3	2,6	0012345678910	0123456789
55	21118365	Nguyễn Thành Sơn	DH21CC			5,4		1,0	2,8	0012345678910	0123456789
56	21118371	Trần Nguyễn Hoàng Tân	DH21CC			6,2		3,5	4,6	0012345678910	0123456789
57	21115211	Phạm Hồng Thái	DH21GN			6,8		7,8	7,4	0012345678910	0123456789
58	21115222	Lê Thị Phương Thùy	DH21GN			6,6		5,3	5,8	0012345678910	0123456789
59	21115220	Huỳnh Thị Trang Thủy	DH21GN			8,3		6,8	7,4	0012345678910	0123456789
60	21115215	Hồ Thị Vân Thư	DH21GN			7,0		4,0	9,2	0012345678910	0123456789
61	21115218	Phạm Vũ Quỳnh Thư	DH21GN			7,5		9,0	8,4	0012345678910	0123456789
62	21115219	Võ Anh Thư	DH21GN			4,5		4,5	4,5	0012345678910	0123456789
63	21115227	Phạm Lê Tinh	DH21GN			5,6		1,0	2,8	0012345678910	0123456789
64	21118391	Trần Ngọc Tính	DH21CC			7,7		6,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02274

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CC_02**

Tổ Thi **001_DH21CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	21115232	Nguyễn Văn Triệu	DH21GN			97		68	64	0012345678910	0123456789
66	21118402	Trương Quang Trung	DH21CC			81		70	74	0012345678910	0123456789
67	21115236	Nguyễn Khoa Trường	DH21GN			42		55	50	0012345678910	0123456789
68	21118405	Nguyễn Sơn Trường	DH21CC			72		70	71	0012345678910	0123456789
69	21115260	Lê Anh Tú	DH21GB							0012345678910	0123456789
70	21118412	Phạm Trung Tuấn	DH21CC							0012345678910	0123456789
71	21118414	Nguyễn Thanh Tùng	DH21CC			61		63	62	0012345678910	0123456789
72	21118416	Huỳnh Nguyễn Duy Tường	DH21CC			27		15	20	0012345678910	0123456789
73	21115105	Nguyễn Quốc Vinh	DH21GN			43		30	35	0012345678910	0123456789
74	21118426	Dương Tấn Vũ	DH21CC			45		10	24	0012345678910	0123456789
75	21118430	Nguyễn Văn Hoàng Vũ	DH21CC			47		75	64	0012345678910	0123456789
76	21118431	Trần Quốc Vũ	DH21CC			20		63	46	0012345678910	0123456789
77	21118433	Đỗ Tiến Vỹ	DH21CC			63		58	60	0012345678910	0123456789
78	21118434	Trần Đình Xuân	DH21CC			70		63	66	0012345678910	0123456789
79	21115250	Nguyễn Ngọc Hải Yến	DH21GN			66		63	64	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02274

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH21CC_02** Tổ Thi **001_DH21CC_02** Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**
Ngày Thi **19/07/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **TV302**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 70. Số sinh viên vắng 03.

Ngày 24 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Thiên

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Hồ Văn Nghiê

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02275

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **001_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

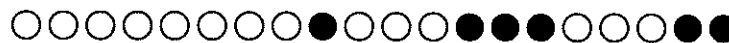
Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137044	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	DH21NL	Anh		6,5		2,3	4,0	0012345678910	0123456789
2	21137047	Nguyễn Nhật Bảo	DH21NL	Bao		6,5		5,5	5,9	0012345678910	0123456789
3	21137048	Trần Xuân Bảo	DH21NL							0012345678910	0123456789
4	21137045	Trịnh Tuấn Bằng	DH21NL	Bằng		3,8		1,0	2,1	0012345678910	0123456789
5	21137052	Đặng Văn Cường	DH21NL	Cường		6,0		4,5	5,1	0012345678910	0123456789
6	21137053	Hoàng Gia Cường	DH21NL							0012345678910	0123456789
7	21118190	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	Cu		5,4		2,0	3,4	0012345678910	0123456789
8	21137054	Tạ Quốc Cường	DH21NL							0012345678910	0123456789
9	21137006	Nguyễn Bảo Duy	DH21NL	Duy		7,8		5,5	6,4	0012345678910	0123456789
10	21118198	Dương Đức Đạo	DH21CK							0012345678910	0123456789
11	21137056	Đoàn Tiến Đạt	DH21NL	Đạt		6,0		2,6	4,0	0012345678910	0123456789
12	21137058	Hà Văn Đạt	DH21NL	Đạt		4,8		2,5	3,4	0012345678910	0123456789
13	21137059	Nguyễn Thành Đạt	DH21NL	Đạt		5,6		5,0	5,2	0012345678910	0123456789
14	21137005	Trần Thành Đô	DH21NL	Đô		7,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789
15	21137062	Cao Hữu Đông	DH21NL	Đông		4,2		2,0	2,9	0012345678910	0123456789
16	21137063	Nguyễn Minh Đức	DH21NL	Đức						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02275

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **001_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118206	Tô Phạm Hữu Đức	DH21CK			7,3		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
18	21137067	Trần Nguyễn Hoàng Gia	DH21NL							0012345678910	0123456789
19	21137069	Dương Tiến Hải	DH21NL			6,0		3,0	4,2	0012345678910	0123456789
20	21137073	Trần Hưng Hiền	DH21NL			0,0		2,0	1,2	0012345678910	0123456789
21	21137074	Huỳnh Ngọc Hiền	DH21NL			6,5		2,0	3,8	0012345678910	0123456789
22	21118235	Phạm Minh Hiếu	DH21CK			6,2		5,0	5,5	0012345678910	0123456789
23	21137011	Phan Xuân Hiếu	DH21NL							0012345678910	0123456789
24	21118237	Hứa Minh Hòa	DH21CK			4,3		1,5	2,6	0012345678910	0123456789
25	21118238	Nguyễn Phúc Hòa	DH21CK			6,2		3,0	4,3	0012345678910	0123456789
26	21137077	Nguyễn Huy Hoàng	DH21NL			6,6		6,5	6,5	0012345678910	0123456789
27	21137080	Trần Nhật Hùng	DH21NL			7,0		3,5	4,9	0012345678910	0123456789
28	21118255	Hồ Quốc Huy	DH21CK			0		3,0	1,8	0012345678910	0123456789
29	21137084	Nguyễn Minh Huy	DH21NL							0012345678910	0123456789
30	21137086	Tổng Nguyễn Gia Huy	DH21NL			3,5		5,0	4,4	0012345678910	0123456789
31	21118265	Hồ Thị Như Huỳnh	DH21CK			4,5		1,0	2,4	0012345678910	0123456789
32	21137013	Mai Tuấn Hưng	DH21NL			0		0,5	0,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02275

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **001_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD201**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118062	Ngô Trí Hưng	DH21CK			5,0		6,0	5,6	0012345678910	0123456789
34	21137081	Trần Vũ Hưng	DH21NL			6,5		2,3	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Võ Huy Thịnh

Trưởng Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02276

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **002_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118271	Danh Võ Anh	Khoa	DH21CK		6,3		15	3,4	0012345678910	0123456789
2	21137091	Lê Hoàng	Khôi	DH21NL		4,8		2,0	3,1	0012345678910	0123456789
3	21137098	Đoàn Bùi Thanh	Liêm	DH21NL		0		1,0	0,6	012345678910	0123456789
4	21137018	Nguyễn Phát	Lộc	DH21NL						012345678910	0123456789
5	21137101	Thái Lạc Quán	Lương	DH21NL		4,8		2,5	3,4	0012345678910	0123456789
6	21137102	Đỗ Trọng	Mạnh	DH21NL		4,8		3,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	21137106	Nguyễn Khắc Phương	Nam	DH21NL		2,5		1,5	1,9	0012345678910	0123456789
8	21137109	Nguyễn Thái	Nguyên	DH21NL		6,5		2,3	4,0	0012345678910	0123456789
9	21137111	Quách Viết	Nguyên	DH21NL		6,0		6,0	6,0	0012345678910	0123456789
10	21137108	Bùi Thành	Ngữ	DH21NL		6,0		4,5	5,1	0012345678910	0123456789
11	21137112	Đặng Phú	Nhâm	DH21NL		0		1,0	0,6	012345678910	0123456789
12	21137113	Nguyễn Lê Duy	Nhật	DH21NL		5,0		1,0	2,6	0012345678910	0123456789
13	21137114	Nguyễn Hoài	Nhuân	DH21NL		7,0		2,5	4,3	0012345678910	0123456789
14	21137115	Nguyễn Ngọc	Phong	DH21NL		6,7		7,5	7,2	0012345678910	0123456789
15	21137116	Trương Hoàng	Phú	DH21NL		6,2		1,5	3,4	0012345678910	0123456789
16	21118338	Đoàn Đại	Phúc	DH21CK		4,2		2,0	2,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02276

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **002_DH21NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137117	Huỳnh Trọng Phúc	DH21NL			0		2,8	1,7	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
18	21137022	Phạm Ngọc Phước	DH21NL			3,2		1,8	2,4	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	21137124	Đoàn Duy Quang	DH21NL			5,4		1,5	3,1	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	21118347	Lê Nhật Quang	DH21CC			4,8		2,0	3,1	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	21137125	Nguyễn Vũ Khôi	DH21NL							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	21137126	Tô Văn Quang	DH21NL			6,0		6,5	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	21137122	Đoàn Minh Quân	DH21NL			1,3		2,0	1,7	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
24	21137123	Nguyễn Khắc Minh	DH21NL			7,0		6,0	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	21118352	Nguyễn Văn Quốc	DH21CK			1,5		2,5	2,1	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	21118359	Trần Thành Quý	DH21CK			3,0		2,3	2,6	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
27	21137129	Phan Tiến Sỹ	DH21NL			4,5		1,5	2,7	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
28	21137131	Huỳnh Trọng Tấn	DH21NL							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	21137132	Phan Văn Thà	DH21NL			0		1,0	0,6	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
30	21137136	Nguyễn Tấn Thành	DH21NL			5,8		3,3	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	21137137	Phạm Tuấn Thành	DH21NL			0		1,0	0,6	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
32	21137141	Nguyễn Truyền Thoại	DH21NL			7,0		2,0	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02276

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **002_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137143	Khuru Minh Thuận	DH21NL			6,0		3,0	4,2	0012345678910	0123456789
34	21137144	Mai Công Thuận	DH21NL			4,4		5,5	5,1	0012345678910	0123456789
35	21137148	Lâm Đạo Tiến	DH21NL			8,5		4,3	4,0	0012345678910	0123456789
36	21137149	Nguyễn Nhật Tiến	DH21NL			5,5		5,5	5,5	0012345678910	0123456789
37	21137150	Tô Nhật Tiến	DH21NL							0012345678910	0123456789
38	21137153	Nguyễn Hữu Tính	DH21NL			0		1,0	0,6	0012345678910	0123456789
39	21137155	Nguyễn Song Toàn	DH21NL			6,5		1,5	3,5	0012345678910	0123456789
40	21137156	Võ Quốc Toàn	DH21NL			7,2		5,5	6,2	0012345678910	0123456789
41	21137159	Nguyễn Quốc Trí	DH21NL			0		0	0	0012345678910	0123456789
42	21137037	Phan Đình Trung	DH21NL							0012345678910	0123456789
43	21137161	Nguyễn Văn Truyền	DH21NL			0		3,0	1,8	0012345678910	0123456789
44	21137165	Huỳnh Anh Tường	DH21NL			0		3,3	2,0	0012345678910	0123456789
45	21137039	Nguyễn Quang Vinh	DH21NL			3,8		2,0	2,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02276

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **002_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng 5

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Tuấn

Ngô Thanh Tuyền

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02277

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_04**

Tổ Thi **001_DH21NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

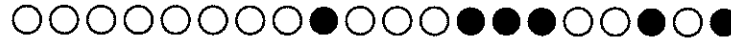
Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137042	Huỳnh Phúc An	DH21NL			6,3		1,0	3,1	0012345678910	0123456789
2	21154118	Trần Tuấn	DH21OT							0012345678910	0123456789
3	21118168	Vũ Đình Đông	DH21CK			3,0		1,0	1,8	0012345678910	0123456789
4	21137049	Trần Thanh	DH21NL			1,6		2,5	2,1	0012345678910	0123456789
5	21118180	Nguyễn Văn	DH21CK			0		2,0	1,2	0012345678910	0123456789
6	21137051	Võ Ngọc	DH21NL							0012345678910	0123456789
7	21137064	Bùi Ngọc Khánh	DH21NL			8,4		2,5	4,1	0012345678910	0123456789
8	21118218	Nguyễn Ngọc	DH21CK			5,7		2,0	3,5	0012345678910	0123456789
9	21118211	Hà Lâm Văn	DH21CK							0012345678910	0123456789
10	21137055	Nguyễn Văn	DH21NL			3,8		2,0	2,7	0012345678910	0123456789
11	21118200	Hoàng Văn	DH21CK			4,2		3,0	3,5	0012345678910	0123456789
12	21118204	Vũ Tiến	DH21CK			5,6		3,0	4,0	0012345678910	0123456789
13	21118194	Đào Hải	DH21CK							0012345678910	0123456789
14	21137070	Trương Ngọc	DH21NL			0		0,5	0,3	0012345678910	0123456789
15	21137071	Nguyễn Văn	DH21NL			6,0		5,5	5,7	0012345678910	0123456789
16	21118050	Lê Trần Phúc	DH21CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02277

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_04**

Tổ Thi **001_DH21NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118230	Hoa Xoài Hên	DH21CK							0012345678910	0123456789
18	21137009	Nguyễn Thanh Hiền	DH21NL							0012345678910	0123456789
19	21118232	Cao Thái Hiền	DH21CK							0012345678910	0123456789
20	21137075	Thái Văn Hiệp	DH21NL	Hiệp		6,8		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
21	21118240	Đỗ Cao Huy Hoàng	DH21CK	Huy		2,6		3,5	3,1	0012345678910	0123456789
22	21154186	Nguyễn Phi Hùng	DH21OT	Phi		8,5		6,0	3,0	0012345678910	0123456789
23	21118248	Nguyễn Thế Hùng	DH21CK	Hùng		6,2		4,0	4,9	0012345678910	0123456789
24	21137082	Huỳnh Văn Huy	DH21NL	Huy		6,8		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
25	21137083	Lương Quốc Huy	DH21NL							0012345678910	0123456789
26	21118259	Nguyễn Trần Gia Huy	DH21CK	Huy		5,2		2,0	3,3	0012345678910	0123456789
27	21137085	Phạm Nhật Huy	DH21NL	Huy		0		3,0	1,8	0012345678910	0123456789
28	21118253	Trần Tiến Hưng	DH21CK	H		3,0		5,0	4,2	0012345678910	0123456789
29	21118073	Lê Đình Khả	DH21CK	H		0		0,5	0,3	0012345678910	0123456789
30	21137087	Dương Khang	DH21NL	Khang		3,0		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
31	21118268	Nguyễn Ngọc Khang	DH21CK	K		5,4		3,0	4,0	0012345678910	0123456789
32	21118270	Nguyễn Văn Khánh	DH21CK	Kh		4,2		3,8	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02277

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_04**

Tổ Thi **001_DH21NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD205**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137089	Trần Đăng Khoa	DH21NL	<i>Khoa</i>		4,5		2,5	3,3	0012345678910	0123456789
34	21137092	Nguyễn Đăng Khôi	DH21NL	<i>Khôi</i>		0		0,5	0,3	0012345678910	0123456789
35	21137094	Trần Công Khương	DH21NL	<i>Khương</i>		6,6		2,5	4,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 26. Số sinh viên vắng 02...

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phú Bông Thảo

Phạm Minh Hiền

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02278

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_04**

Tổ Thi **002_DH21NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118278	Nông Trung Kiên	DH21CK			4.3		10	2.3	0012345678910	0123456789
2	21118281	Đào Duy Kiệt	DH21CK			6.6		7.5	7.1	0012345678910	0123456789
3	21118282	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH21CK			0		2.5	1.5	0012345678910	0123456789
4	21118084	Lê Hoàng Lâm	DH21CK			7.0		4.3	5.4	0012345678910	0123456789
5	21118289	Lý Nhật Lâm	DH21CK			0		1.5	0.9	0012345678910	0123456789
6	21118291	Nguyễn Hoàng Lâm	DH21CK			0		2.5	1.5	0012345678910	0123456789
7	21118292	Nguyễn Sơn Lâm	DH21CK							0012345678910	0123456789
8	21118296	Châu Vũ Lộc	DH21CK			0		1.5	0.9	0012345678910	0123456789
9	21118300	Nguyễn Quý Luân	DH21CK			6.3		5.0	5.5	0012345678910	0123456789
10	21137103	Nguyễn Đức Mạnh	DH21NL			5.8		4.5	5.0	0012345678910	0123456789
11	21118303	Ngô Minh Mẫn	DH21CK			6.3		1.5	3.4	0012345678910	0123456789
12	21118309	Nguyễn Văn Minh	DH21CK			5.6		3.5	4.3	0012345678910	0123456789
13	21118313	Đồng Hữu Nam	DH21CK							0012345678910	0123456789
14	21118314	Nguyễn Trần Phương Nam	DH21CK			2.8		2.5	2.6	0012345678910	0123456789
15	21118315	Phan Thành Nam	DH21CK			6.3		2.4	4.0	0012345678910	0123456789
16	21118324	Nguyễn Hiếu Nhân	DH21CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02278

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_04**

Tổ Thi **002_DH21NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			6,4		6,0	6,2	0012345678910	0123456789
18	21118104	Trần Hồ Anh	DH21CK			6,0		2,6	4,0	0012345678910	0123456789
19	21118331	Phạm Kim Niên	DH21CK			5,5		3,0	4,0	0012345678910	0123456789
20	21118335	Nguyễn Trần Thanh	DH21CK			4,2		3,8	4,0	0012345678910	0123456789
21	21137118	Nguyễn Hữu Phúc	DH21NL			6,3		2,5	4,0	0012345678910	0123456789
22	21137119	Nguyễn Văn Phúc	DH21NL			6,0		4,5	5,1	0012345678910	0123456789
23	21118343	Võ Đình Phúc	DH21CK			4,0		6,5	5,5	0012345678910	0123456789
24	21137120	Nguyễn Thành Phước	DH21NL			0		0	0	0012345678910	0123456789
25	21137128	Phạm Ngọc Sáng	DH21NL			4,5		2,0	3,0	0012345678910	0123456789
26	21137130	Hồ Chí Tâm	DH21NL			3,8		3,0	3,3	0012345678910	0123456789
27	21137133	Phạm Lê Quốc Thái	DH21NL			0		1,5	0,9	0012345678910	0123456789
28	21137134	Nguyễn Hoài Thanh	DH21NL			6,4		3,5	4,7	0012345678910	0123456789
29	21137138	Nguyễn Niên	DH21NL			6,0		5,5	5,7	0012345678910	0123456789
30	21118138	Hà Xuân Thịnh	DH21CK							0012345678910	0123456789
31	21137140	Lê Phúc	DH21NL			4,2		5,0	4,7	0012345678910	0123456789
32	21118387	Đỗ Nguyễn Hữu Tiến	DH21CK			0		1,0	0,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02278

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_04**

Tổ Thi **002_DH21NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

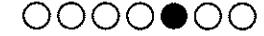
Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137147	Hoàng Cao Minh Tiến	DH21NL							0012345678910	0123456789
34	21137152	Nguyễn Văn Tín	DH21NL			0		3,5	2,1	0012345678910	0123456789
35	21137154	Trương Văn Tình	DH21NL			5,0		3,3	4,0	0012345678910	0123456789
36	21118393	Trần Quang Tốt	DH21CK			6,6		4,0	5,0	0012345678910	0123456789
37	21137157	Đình Minh Trí	DH21NL			5,0		2,8	3,7	0012345678910	0123456789
38	21118400	Lê Văn Trung	DH21CK			6,3		4,5	3,4	0012345678910	0123456789
39	21118404	Huỳnh Quang Trường	DH21CK			6,5		3,3	3,0	0012345678910	0123456789
40	21137162	Nguyễn Thanh Tuấn	DH21NL			2,0		5,3	4,0	0012345678910	0123456789
41	21137163	Nguyễn Trần Anh Tuấn	DH21NL			0		3,5	2,1	0012345678910	0123456789
42	21118411	Phạm Hữu Thanh Tuấn	DH21CK			3,8		2,5	4,6	0012345678910	0123456789
43	21118413	Trần Hoàng Anh Tuấn	DH21CK			5,6		3,0	4,0	0012345678910	0123456789
44	21137167	Nguyễn Tấn Vinh	DH21NL			3,0		4,5	2,1	0012345678910	0123456789
45	21118424	Cao Văn Vũ	DH21CK			5,6		1,0	2,8	0012345678910	0123456789
46	21118435	Nguyễn Vũ Hải Yến	DH21CK			4,5		3,6	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02278

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21NL_04**

Tổ Thi **002_DH21NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4. Số sinh viên vắng 0.5

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

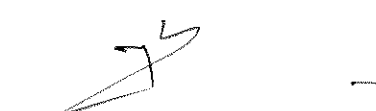
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

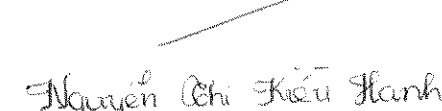
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


W. Quang Trí


Đặng Vĩnh Quang


Trương Quang Tuấn


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02279

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154123	Trần Hoàng Anh	DH21OT	<i>Anh</i>		3,9		3,5	3,7	0012345678910	0123456789
2	21118174	Huỳnh Minh Bảo	DH21CK		✓					0012345678910	0123456789
3	21154124	Ngô Trương Công Bằng	DH21OT	<i>Bằng</i>		6,9		2,5	4,3	0012345678910	0123456789
4	21154133	Nguyễn Quốc Chí	DH21OT	<i>Chí</i>		6,0		1,5	3,3	0012345678910	0123456789
5	21154134	Trần Đức Chiến	DH21OT		✓					0012345678910	0123456789
6	21154137	Lê Thành Công	DH21OT		✓					0012345678910	0123456789
7	21154139	Phạm Đức Công	DH21OT	<i>Công</i>		0		2,0	1,2	0012345678910	0123456789
8	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD	<i>Cường</i>		0		6,7	4,0	0012345678910	0123456789
9	21154146	Đặng Trần Danh	DH21OT	<i>Danh</i>		6,6		6,5	6,5	0012345678910	0123456789
10	21154142	Phạm Thế Dân	DH21OT		✓					0012345678910	0123456789
11	21154154	Trương Tấn Dũng	DH21OT	<i>Dũng</i>		6,8		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
12	21118215	Lương Hoàng Anh Duy	DH21CK		✓					0012345678910	0123456789
13	21118199	Đào Đức Đạt	DH21CK		✓					0012345678910	0123456789
14	21154144	Ngô Hải Đăng	DH21OT	<i>Đăng</i>		6,8		6,0	6,3	0012345678910	0123456789
15	21154149	Hoàng Thế Tiếu	DH21OT	<i>Tiếu</i>		0		2,5	1,5	0012345678910	0123456789
16	21154150	Nguyễn Hoàng Đông	DH21OT	<i>Đông</i>		6,8		6,0	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02279



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD203**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154151	Cao Duy Đức	DH21OT			6,5		3,5	4,7	0012345678910	0123456789
18	21154160	Nguyễn Đặng Hoàng	Gia			6,8		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
19	21154161	Nguyễn Văn	Giàu			7,8		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
20	21154166	Võ Tấn Anh	Hào		✓					0012345678910	0123456789
21	21118226	Nguyễn Hoàng	Hào			4,5		2,5	3,3	0012345678910	0123456789
22	21118228	Nguyễn Công	Hậu			0		2,0	1,2	0012345678910	0123456789
23	21154169	Nguyễn Tấn	Hiệp		✓					0012345678910	0123456789
24	21154179	Đoàn Thế	Hoàn			5,5		4,0	4,6	0012345678910	0123456789
25	21154183	Nguyễn Minh	Hoàng			6,8		6,8	6,8	0012345678910	0123456789
26	21154184	Nguyễn Văn	Hoàng			7,3		1,0	3,5	0012345678910	0123456789
27	21118257	Nguyễn Chánh	Huy			7,0		6,0	6,4	0012345678910	0123456789
28	21154192	Phan Hà	Huy			7,2		6,5	6,8	0012345678910	0123456789
29	21118252	Trần Nguyễn	Hùng			6,3		3,5	4,6	0012345678910	0123456789
30	21154194	Lê Quang	Khải			7,0		2,5	4,3	0012345678910	0123456789
31	21154197	Nguyễn Duy	Khang		✓					0012345678910	0123456789
32	21154199	Đinh Đăng	Khoa			5,7		3,5	4,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02279

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154201	Bùi Thanh	Khuyên			6,9		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
34	21154046	Hứa Tuấn	Kiệt			0		0,5	0,3	0012345678910	0123456789
35	21154204	Nguyễn Anh	Kiệt			6,5		2,3	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2 Số sinh viên vắng 9

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02280

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **002_DH21OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 _%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154207	Lương Thành Kim	DH21OT			5,8		2,0	3,5	0012345678910	0123456789
2	21154211	Võ Tấn Lịch	DH21OT			6,0		2,6	4,0	0012345678910	0123456789
3	21154216	Đinh Hoàng Châu	Long							0012345678910	0123456789
4	21154218	Nguyễn Vũ Thiên	DH21OT			0		4,5	2,7	0012345678910	0123456789
5	21154219	Võ Công	DH21OT			6,3		5,8	5,0	0012345678910	0123456789
6	21118298	Trần Hà Trung	DH21CK			0		2,5	1,5	0012345678910	0123456789
7	21154222	Hồ Nguyễn Thành	DH21OT			7,0		6,0	6,4	0012345678910	0123456789
8	21118302	Phan Minh	Luân							0012345678910	0123456789
9	21154227	Võ Thành	DH21OT			0		3,0	1,8	0012345678910	0123456789
10	21154228	Văn Trọng	DH21OT			6,8		6,0	6,3	0012345678910	0123456789
11	21118304	Nguyễn Ngọc	DH21CK			5,4		6,8	6,2	0012345678910	0123456789
12	21154244	Đoàn	DH21OT			5,0		5,0	5,0	0012345678910	0123456789
13	21154250	Nguyễn Đình	DH21OT			7,5		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
14	21118328	Nguyễn Minh	Nhật							0012345678910	0123456789
15	21154251	Nguyễn Minh	DH21OT			4,4		2,5	3,3	0012345678910	0123456789
16	21154253	Dương Minh	Nhật							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02280

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **002_DH21OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154257	Huỳnh Tấn Phát	DH21OT			6,9		5,0	5,8	0012345678910	0123456789
18	21154075	Lê Văn Phát	DH21OT			6,5		5,8	6,1	0012345678910	0123456789
19	21154268	Lê Hồng Phúc	DH21OT			0		3,8	2,3	0012345678910	0123456789
20	21154272	Trần Tô Đức	DH21OT							0012345678910	0123456789
21	21118117	Nguyễn Minh Phương	DH21CK			3,9		0,5	1,9	0012345678910	0123456789
22	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD			6,5		3,5	7,1	0012345678910	0123456789
23	21154278	Vũ Minh Quân	DH21OT			8,3		2,5	4,8	0012345678910	0123456789
24	21118351	Đào Duy Quốc	DH21CK			0		2,5	1,5	0012345678910	0123456789
25	21154294	Lê Thành Tài	DH21OT			2,8		3,0	2,9	0012345678910	0123456789
26	21154295	Nguyễn Chí Tài	DH21OT			8,0		5,0	6,2	0012345678910	0123456789
27	21154296	Trần Phát Tài	DH21OT			0		4,5	2,7	0012345678910	0123456789
28	21154298	Huỳnh Minh Tâm	DH21OT							0012345678910	0123456789
29	21154300	Nguyễn Đình Tâm	DH21OT			4,8		3,0	3,7	0012345678910	0123456789
30	21137135	Nguyễn Minh Thành	DH21NL							0012345678910	0123456789
31	21118378	Nguyễn Ngọc Thành	DH21CK			0		2,5	1,5	0012345678910	0123456789
32	21154315	Phạm Chí Thành	DH21OT			6,5		3,0	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02280

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tô Thi **002_DH21OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

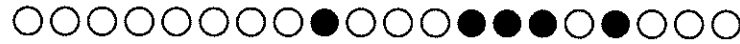
Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118379	Trần Việt Thành	DH21CK			3,0		2,5	2,7	0012345678910	0123456789
34	21154318	Trịnh Chấn	DH21OT			5,4		3,5	4,3	0012345678910	0123456789
35	21154310	Trịnh Minh	DH21OT			4,3		3,8	4,0	0012345678910	0123456789
36	21154320	Lê Đức	DH21OT			3,5		3,5	3,5	0012345678910	0123456789
37	18118140	Nguyễn Ngọc	DH18CK			4,0		2,5	3,1	0012345678910	0123456789
38	21118143	Nguyễn Minh	DH21CK			0		1,0	0,6	0012345678910	0123456789
39	21118386	Đặng Quang	DH21CK							0012345678910	0123456789
40	21154330	Nguyễn Minh	DH21OT							0012345678910	0123456789
41	21154337	Vũ Quốc	DH21OT			6,5		5,0	5,6	0012345678910	0123456789
42	21154339	Trần Anh	DH21OT			6,0		2,0	3,6	0012345678910	0123456789
43	21154340	Trương Công	DH21OT			8,0		7,3	7,6	0012345678910	0123456789
44	21154350	Lê Quang	DH21OT			6,3		6,3	6,3	0012345678910	0123456789
45	21154360	Trần Đình Quang	DH21OT			4,2		4,8	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02280

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **002_DH21OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 36 Số sinh viên vắng 9

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

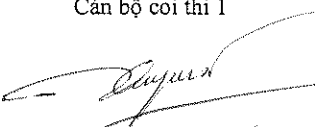
Cán bộ coi thi 1

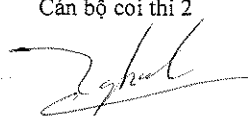
Cán bộ coi thi 2

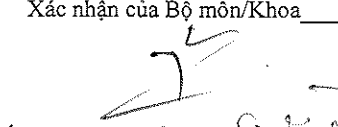
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

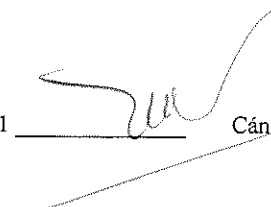
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Vinh


Hồ Văn Nghĩa


Trương Quang Tuấn


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02281

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154121	Lê Hoàng Việt Anh	DH21OT	Anh		70		78	75	0012345678910	0123456789
2	21154119	Ngô Hoàng Ân	DH21OT	Ân		70		6,8	6,9	0012345678910	0123456789
3	21154002	Lê Chí Bảo	DH21OT	Chí		5,3		3,1	4,0	0012345678910	0123456789
4	21154129	Nguyễn Bá Ngọc	DH21OT	Ngọc		5,2		3,2	4,0	0012345678910	0123456789
5	21154136	Lê Thành Công	DH21OT	Công		5,4		3,0	4,0	0012345678910	0123456789
6	21118189	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	Cường		2,2		3,5	3,0	0012345678910	0123456789
7	21154152	Chê Minh Anh	DH21OT	Anh		5,7		1,0	2,9	0012345678910	0123456789
8	21154153	Lê Quang Dũng	DH21OT	Quang		4,5		2,5	3,2	0012345678910	0123456789
9	21154155	Vũ Anh Dũng	DH21OT	Anh						0012345678910	0123456789
10	21118214	Dương Nhật Duy	DH21CK	Đuy		2,8		2,5	2,6	0012345678910	0123456789
11	21154156	Nguyễn Lê Duy	DH21OT	Đuy		6,4		5,5	5,9	0012345678910	0123456789
12	21154157	Nguyễn Minh Duy	DH21OT	Đuy		3,0		2,0	2,4	0012345678910	0123456789
13	21154158	Nguyễn Quốc Duy	DH21OT	Đuy		5,0		3,3	4,0	0012345678910	0123456789
14	21118043	Trần Khánh Duy	DH21CK	Đuy		6,0		2,0	3,6	0012345678910	0123456789
15	21154159	Vũ Duy	DH21OT	Đuy						0012345678910	0123456789
16	21154147	Lê Văn Đạt	DH21OT	Đạt		3,0		2,5	2,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02281

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154148	Võ Đình Đạt	DH21OT			4,5		4,0	2,4	0012345678910	0123456789
18	21154145	Nguyễn Hải Đăng	DH21OT			8,0		2,0	4,4	0012345678910	0123456789
19	21154163	Vũ Trường Hải	DH21OT			6,6		5,5	5,9	0012345678910	0123456789
20	21154164	Đỗ Tuấn Hào	DH21OT			0		2,0	1,2	0012345678910	0123456789
21	21154165	Huỳnh Chí Hào	DH21OT			5,7		2,0	3,5	0012345678910	0123456789
22	21118227	Võ Hoàng Hào	DH21CK			6,8		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
23	21154174	Nguyễn Ngọc Trung Hiếu	DH21OT							0012345678910	0123456789
24	21154177	Hà Minh Hoài	DH21OT			7,2		1,5	3,8	0012345678910	0123456789
25	21154181	Lê Việt Hoàng	DH21OT							0012345678910	0123456789
26	21154187	Nguyễn Thanh Hùng	DH21OT			4,7		3,5	4,0	0012345678910	0123456789
27	21154190	Nguyễn Đức Lê Huy	DH21OT			5,8		3,5	4,4	0012345678910	0123456789
28	21154034	Nguyễn Nhật Huy	DH21OT							0012345678910	0123456789
29	21154035	Trần Ngọc Gia Huy	DH21OT							0012345678910	0123456789
30	21154045	Trần Lê Thiên Khoa	DH21OT			4,0		4,0	4,0	0012345678910	0123456789
31	21154200	Đoàn Nguyễn Linh Khôi	DH21OT			8,3		3,0	7,5	0012345678910	0123456789
32	21154048	Phan Quốc Kiệt	DH21OT			5,5		5,3	5,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02281

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154208	Nguyễn Cao Kỳ	DH21OT			5,6		2,5	3,7	0012345678910	0123456789
34	21118293	Trương Duy Lành	DH21CK			9		2,5	1,5	0012345678910	0123456789
35	21154210	Trần Quang Lâm	DH21OT			7,5		4,0	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 29 Số sinh viên vắng 6..

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lâm

Vũ Thành Thuận

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 23/06/2022



Mã nhận dạng 02282

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **002_DH21OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

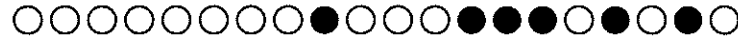
Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154217	Hồ Quốc Long	DH21OT	<i>Long</i>		5,6		10	2,8	0012345678910	0123456789
2	21154224	Nguyễn Kim Luân	DH21OT	<i>Kim</i>		3,1		3,0	3,0	0012345678910	0123456789
3	21154232	Nguyễn Bình Minh	DH21OT	<i>Minh</i>		5,7		2,0	3,5	0012345678910	0123456789
4	21154245	Vũ Xuân Ngọc	DH21OT	<i>Ngọc</i>						0012345678910	0123456789
5	21154247	Nguyễn Thảo Nguyên	DH21OT	<i>Thảo</i>		6,5		3,5	4,7	0012345678910	0123456789
6	21154249	Huỳnh Thành Nhân	DH21OT	<i>Thành</i>		3,8		2,5	3,0	0012345678910	0123456789
7	21154256	Võ Ngọc Minh Nhựt	DH21OT	<i>Nhựt</i>		6,0		2,3	3,8	0012345678910	0123456789
8	21118107	Lý Huỳnh Tấn Phát	DH21CK	<i>Phát</i>		0		2,5	1,5	0012345678910	0123456789
9	21154261	Trần Thanh Phong	DH21OT	<i>Phong</i>						0012345678910	0123456789
10	21154262	Bùi Phan Duy Phú	DH21OT	<i>Phú</i>		6,7		4,0	5,1	0012345678910	0123456789
11	21154265	Lê Thiên Phú	DH21OT	<i>Phú</i>		6,0		6,0	6,0	0012345678910	0123456789
12	21154267	Tăng Văn Phú	DH21OT	<i>Phú</i>						0012345678910	0123456789
13	21154273	Trương Hồng Phúc	DH21OT	<i>Phúc</i>						0012345678910	0123456789
14	21118344	Huỳnh Nam Phương	DH21CK	<i>Phương</i>		0		2,0	1,2	0012345678910	0123456789
15	21154279	Đỗ Nhật Quang	DH21OT	<i>Quang</i>		5,5		4,0	4,6	0012345678910	0123456789
16	21154280	Nguyễn Tuấn Quang	DH21OT	<i>Quang</i>		7,5		5,5	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02282

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 2(207139)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21OT_06

Tổ Thi 002_DH21OT_06

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 18/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118346	Đỗ Hoàng Quân	DH21CK			5,3		4,5	4,8	0012345678910	0123456789
18	21154284	Bùi Ngọc Quyết	DH21OT			4,2		2,5	3,2	0012345678910	0123456789
19	21154285	Trần Tiến Sang	DH21OT			5,5		3,5	4,3	0012345678910	0123456789
20	21154287	Hồ Nguyễn Hoài Sơn	DH21OT			7,5		6,5	6,9	0012345678910	0123456789
21	21154293	Đinh Công Tài	DH21OT			7,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789
22	21154297	Giáp Thành Tâm	DH21OT			5,0		4,0	4,4	0012345678910	0123456789
23	21154093	Phan Thành Tâm	DH21OT			6,8		3,0	4,5	0012345678910	0123456789
24	21154094	Trịnh Ngọc Tâm	DH21OT			7,1		4,0	5,2	0012345678910	0123456789
25	21154303	Mai Lê Xuân Tấn	DH21OT			6,5		5,0	5,6	0012345678910	0123456789
26	21154305	Hồ Hồng Thạch	DH21OT			7,0		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
27	21154312	Đỗ Minh Tất Thành	DH21OT			7,4		2,0	4,2	0012345678910	0123456789
28	21154317	Phạm Dương Quốc Thành	DH21OT			6,0		2,6	4,0	0012345678910	0123456789
29	21154307	Lê Viết Thắng	DH21OT			5,0		1,5	2,9	0012345678910	0123456789
30	21154323	Nguyễn Hoàng Trường Thịnh	DH21OT			0		4,0	2,4	0012345678910	0123456789
31	21154324	Huỳnh Phúc Thoại	DH21OT			5,7		2,0	3,5	0012345678910	0123456789
32	21154325	Nguyễn Minh Thông	DH21OT			7,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02282

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **002_DH21OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118388	Lê Nguyễn Tân	Tiến	DH21CK		74		3,5	5,1	0012345678910	0123456789
34	21118389	Lê Nhật	Tiến	DH21CK						0012345678910	0123456789
35	21154331	Vũ Xuân	Tiến	DH21OT		6,8		4,0	5,1	0012345678910	0123456789
36	21154348	Nguyễn Thanh	Tú	DH21OT		6,1		4,0	4,8	0012345678910	0123456789
37	21154108	Nguyễn Ngọc	Tuấn	DH21OT						0012345678910	0123456789
38	21154351	Nguyễn Hoàng	Tuấn	DH21OT		5,8		4,0	4,7	0012345678910	0123456789
39	21154354	Trần Xuân	Tuấn	DH21OT		6		4,3	2,6	0012345678910	0123456789
40	21154356	Trần Lê Thanh	Tùng	DH21OT		7,2		3,5	5,0	0012345678910	0123456789
41	21154359	Phan Thế	Vinh	DH21OT		6,7		3,5	4,8	0012345678910	0123456789
42	21118163	Dương Hàn	Vũ	DH21CK		7,3		4,0	5,3	0012345678910	0123456789
43	21154114	Hồ Phạm Tường	Vy	DH21OT		7,8		6,0	6,7	0012345678910	0123456789
44	21154364	Nguyễn Minh	Ý	DH21OT		9		4,5	2,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02282

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **002_DH21OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi... Số sinh viên vắng...

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Thanh

Bà Cao Hạnh

Trưởng Bộ môn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02283

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_07**

Tổ Thi **001_DH21OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154117	Đào Lê Xuân An	DH21OT			5,3		4,3	4,7	0012345678910	0123456789
2	21154120	Hoàng Cao Tài Anh	DH21OT			3,0		4,6	4,0	0012345678910	0123456789
3	21154127	Lê Vũ Bảo	DH21OT	Bảo		4,2		4,0	4,1	0012345678910	0123456789
4	21154128	Nguyễn Ngọc Bảo	DH21OT							0012345678910	0123456789
5	21154130	Nguyễn Văn Bình	DH21OT	B		6,2		3,5	4,6	0012345678910	0123456789
6	21154132	Phạm Thế Châu	DH21OT	Chau		6,5		2,3	4,0	0012345678910	0123456789
7	21154135	Trương Văn Chung	DH21OT	C		6,7		3,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	21154140	Võ Thành Công	DH21OT	Cony		5,0		2,5	3,5	0012345678910	0123456789
9	21154007	Đinh Nhật Đăng	DH21OT	B		7,3		4,8	5,8	0012345678910	0123456789
10	21154143	Lê Hoàng Khánh Đăng	DH21OT	Pu		7,8		7,5	7,6	0012345678910	0123456789
11	21154011	Diệp Mạnh Đình	DH21OT	Di		5,8		2,5	3,8	0012345678910	0123456789
12	21154168	Lê Gia Hiệp	DH21OT	HL		7,7		2,5	4,6	0012345678910	0123456789
13	21154173	Nguyễn Minh Hiếu	DH21OT	HL		6,0		2,6	4,0	0012345678910	0123456789
14	21154176	Lê Hoàng An Hòa	DH21OT	hoa		5,2		2,5	3,6	0012345678910	0123456789
15	21154178	Nguyễn Đức Hoài	DH21OT	Huay		3,8		1,0	2,1	0012345678910	0123456789
16	21154191	Nguyễn Quang Huy	DH21OT							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02283

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_07**

Tổ Thi **001_DH21OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154193	Phan Đình Minh Kha	DH21OT	<i>Kha</i>		5,6		5,0	5,2	0012345678910	0123456789
18	21154195	Phạm Quang Khải	DH21OT							0012345678910	0123456789
19	21154202	Nguyễn Trung Kiên	DH21OT	<i>Kiên</i>		8,0		5,3	6,4	0012345678910	0123456789
20	21154206	Nguyễn Vũ Anh Kiệt	DH21OT	<i>K</i>		7,6		4,5	5,7	0012345678910	0123456789
21	21154209	Nguyễn Văn Lâm	DH21OT	<i>Lam</i>		7,8		7,0	7,3	0012345678910	0123456789
22	21154213	Hoàng Xuân Lộc	DH21OT	<i>L</i>		3,2		3,0	3,1	0012345678910	0123456789
23	21154221	Hoàng Phi Lót	DH21OT	<i>Phi</i>		7,8		7,5	7,6	0012345678910	0123456789
24	21154223	Lê Hữu Luân	DH21OT	<i>L</i>		7,5		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
25	21154226	Nguyễn Thành Luân	DH21OT	<i>Lu</i>		0		4,0	2,4	0012345678910	0123456789
26	21154230	Phạm Văn Mạnh	DH21OT	<i>M</i>		5,6		5,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	21154229	Lê Mẫn	DH21OT	<i>m</i>		6,5		5,5	5,9	0012345678910	0123456789
28	21154231	Trần Đức Mến	DH21OT	<i>M</i>		7,8		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
29	21154233	Nguyễn Bửu Minh	DH21OT	<i>M</i>		7,5		7,0	7,2	0012345678910	0123456789
30	21154235	Phạm Ngọc Minh	DH21OT	<i>M</i>		6,1		7,3	6,8	0012345678910	0123456789
31	21154234	Phạm Ngô Nhật Minh	DH21OT	<i>M</i>		7,5		4,0	5,4	0012345678910	0123456789
32	21154236	Bùi Khắc Nam	DH21OT	<i>Nam</i>		4,5		5,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02283

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_07**

Tổ Thi **001_DH21OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154237	Giang Hạo Nam	DH21OT			6,5		5,0	5,6	0012345678910	0123456789
34	21154238	Trần Hoài Nam	DH21OT			6,9		5,0	5,8	0012345678910	0123456789
35	21154241	Lê Minh Nghĩa	DH21OT			4,5		3,0	3,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3.. Số sinh viên vắng 3..

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Nguyễn Nhật Long

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02284

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_07**

Tổ Thi **002_DH21OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154242	Nguyễn Minh Nghĩa	DH21OT			5,1		3,3	4,0	0012345678910	0123456789
2	21154246	Mã Vinh	DH21OT			6,8		2,1	4,0	0012345678910	0123456789
3	21154066	Nguyễn Đức	DH21OT			6,6		6,8	6,7	0012345678910	0123456789
4	21154248	Phan Tam	DH21OT			6,6		4,0	5,0	0012345678910	0123456789
5	21154071	Dương Thị Hồng	DH21OT			7,8		2,0	4,3	0012345678910	0123456789
6	21154255	Nguyễn Minh Nhật	DH21OT			6,6		3,5	4,7	0012345678910	0123456789
7	21154258	Lê Thành Phát	DH21OT			6,3		2,0	3,7	0012345678910	0123456789
8	21154259	Nguyễn Tiến Phát	DH21OT							0012345678910	0123456789
9	21154260	Võ Thiên	DH21OT			5,6		4,0	4,6	0012345678910	0123456789
10	21154266	Nguyễn Thanh Phú	DH21OT			4,3		3,8	4,0	0012345678910	0123456789
11	21154269	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21OT			3,3		1,5	2,2	0012345678910	0123456789
12	21154275	Trần Bình	DH21OT			5,0		2,5	3,5	0012345678910	0123456789
13	21154276	Phạm Nguyễn Minh Quân	DH21OT			7,0		6,8	6,9	0012345678910	0123456789
14	21154277	Trần Đức Minh	DH21OT			6,0		6,8	6,5	0012345678910	0123456789
15	21154281	Đào Phú Quý	DH21OT			7,8		4,0	5,5	0012345678910	0123456789
16	21154283	Nguyễn Danh Quý	DH21OT			7,3		3,0	4,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02284

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_07**

Tổ Thi **002_DH21OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154286	Mai Phước Trường	Sinh			6,4		3,8	4,8	0012345678910	0123456789
18	21154288	Lý Hồng	Sơn			6,3		4,5	5,2	0012345678910	0123456789
19	21154290	Nguyễn Thanh	Sơn			7,2		5,5	6,2	0012345678910	0123456789
20	21154291	Trần Tuấn	Sơn			7,0		4,5	3,7	0012345678910	0123456789
21	21154301	Nguyễn Minh	Tâm			6,3		3,5	4,6	0012345678910	0123456789
22	21154304	Nguyễn Anh	Tấn			6,4		3,0	4,4	0012345678910	0123456789
23	21154096	Cao Huỳnh Xuân	Thái			7,8		2,0	4,3	0012345678910	0123456789
24	21154316	Phạm Đình	Thành			3,3		1,5	2,2	0012345678910	0123456789
25	21154306	Đặng Thế Minh	Thắng			8,8		4,0	5,9	0012345678910	0123456789
26	21154308	Nguyễn Đức	Thắng			2,8		6,0	4,7	0012345678910	0123456789
27	21154321	Nguyễn Phước	Thiện			6,7		4,5	5,4	0012345678910	0123456789
28	21154326	Trần Hoàng	Thông			7,0		3,8	5,1	0012345678910	0123456789
29	21154334	Hoàng Tiến	Toàn			5,8		2,0	3,5	0012345678910	0123456789
30	21154335	Huỳnh Châu Triều	Toàn			6,5		1,5	3,5	0012345678910	0123456789
31	21154336	Nguyễn Trần Quốc	Toàn							0012345678910	0123456789
32	21154338	Nguyễn Nhựt	Trí							0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02284

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21OT_07**

Tổ Thi **002_DH21OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **18/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 60%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154341	Nguyễn Văn Triệu	DH21OT			6,8		3,0	4,5	0012345678910	0123456789
34	21154342	Tạ Khánh Trinh	DH21OT			7,5		2,0	4,2	0012345678910	0123456789
35	21154344	Ngô Đức Trung	DH21OT							0012345678910	0123456789
36	21154105	Trương Quốc Trung	DH21OT			2,2		0,5	1,2	0012345678910	0123456789
37	21154347	Ngô Như Tú	DH21OT			7,0		2,5	4,3	0012345678910	0123456789
38	21154349	Hồ Võ Duy Tuấn	DH21OT			7,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789
39	21154352	Nguyễn Minh Tuấn	DH21OT			6,2		1,5	3,4	0012345678910	0123456789
40	21154355	Võ Thành Tuấn	DH21OT			7,8		5,5	6,4	0012345678910	0123456789
41	21154357	Lê Hoàng Viễn	DH21OT			7,8		7,0	7,3	0012345678910	0123456789
42	21154358	Lê Thế Vinh	DH21OT			7,4		5,0	6,0	0012345678910	0123456789
43	21154361	Hồ Mai Minh Vũ	DH21OT			6,4		4,0	5,0	0012345678910	0123456789
44	21154362	Lê Phạm Anh Vũ	DH21OT							0012345678910	0123456789
45	21154363	Huỳnh Thái Vy	DH21OT			7,3		6,3	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02284

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH21OT_07** Tổ Thi **002_DH21OT_07** Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**
Ngày Thi **18/07/2022** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng 5...

Ngày 01 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam An

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành Bång	DH19CK			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			4	4		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01542

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 03

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			4	5		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			4	5		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			4	5		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			3	5		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			4	5		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			4,5	5		9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			4	5		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			4	5		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			4	5		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑨①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Kien

Trương Quang Trường

Phan Minh Kien

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 04

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			5	5		10,0	○○○123456789●	●123456789
2	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK			3	4		7,0	○○○123456●8910	●123456789
3	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			3	4		7,0	○○○123456●8910	●123456789
4	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			3	4		7,0	○○○123456●8910	●123456789
5	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			4,5	5		9,5	○○○12345678●10	○1234●6789
6	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			5	5		10,0	○○○123456789●	●123456789
7	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			5	5		10,0	○○○123456789●	●123456789
8	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			4	5		9,0	○○○12345678●10	●123456789
9	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			4	5		9,0	○○○12345678●10	●123456789
10	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			4	5		9,0	○○○12345678●10	●123456789
11	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			4	5		9,0	○○○12345678●10	●123456789
12	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			4	5		9,0	○○○12345678●10	●123456789
13	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			4	4		8,0	○○○1234567●910	●123456789
14	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			4	5		9,0	○○○12345678●10	●123456789
15	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			5	5		10,0	○○○123456789●	●123456789
16	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			4	4		8,0	○○○1234567●910	●123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 04

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			3,5	5		8,5	0012345678910	0123456789
18	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
19	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
21	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			3	4		7,0	0012345678910	0123456789
23	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			3	4		7,0	0012345678910	0123456789
24	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
25	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			5	5		10,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

phan minh hien

Thầy Giảng Viên

phan minh hien



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 07

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			1	5		6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			3	5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			4,5	5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			4,5	5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			3,5	5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			3	5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118115	Phù Thiết Kì	DH19CC							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT			3,5	5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD			4,5	5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19138079	Cao Quốc Tinh	DH19TD			4,5	5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			4,5	5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 07

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
19	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Minh Hiền

7⁴
Tues, Thurs, Tues

Phạm Minh Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 02

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154006	Nguyễn Xuân Bách	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20154093	Hồ Chí Cường	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20154022	Hồ Hoàng Hào	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20154134	Nguyễn Võ Huy Hoàng	DH20OT			3	4		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20154144	Trần Gia Huy	DH20OT			4	4		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20154138	Nguyễn Minh Hưng	DH20OT			3	3,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	20154150	Nguyễn Hoàng Bảo Khánh	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20154158	Hoàng Kim Lân	DH20OT			0	4,5		4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20154181	Phạm Hoàng Nhân	DH20OT			4	3,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20154186	Vũ Thịnh Phát	DH20OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20154187	Âu Thiên Phú	DH20OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20154188	Cao Quan Phú	DH20OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	20154189	Cao Thế Phú	DH20OT			3,5	3,5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20154191	Nguyễn Hoàng Phúc	DH20OT			4	4		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20154196	Nguyễn Hoài Phương	DH20OT			3,5	5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20154198	Đỗ Hoàng Quân	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 02

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154200	Nguyễn Mạnh Quân	DH20OT			3,5	4		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154203	Hồ Văn Ngọc Quý	DH20OT			3,5	5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20154210	Nguyễn Đỗ Hữu Sang	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20154216	Huỳnh Duy Tân	DH20OT			2,5	4,5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	20154219	Nguyễn Tiền Thanh	DH20OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20154220	Nguyễn Hoàng Thiện	DH20OT			3,5	4,5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20154228	Hà Hữu Tịnh	DH20OT			4	3,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20154238	Lê Hoàng Tuấn	DH20OT			4	4,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20154075	Nguyễn Tuấn Vũ	DH20OT			3	4		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhân của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiền

72
Pulley Quay Pulley

phần cuối của

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 03

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154087	Abdul Bari	DH20OT			4	1,5		5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20154010	Lê Quang Công	DH20OT			4	4,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20154114	Nguyễn Thành Duy	DH20OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20154111	Nguyễn Văn Dương	DH20OT			2,5	4,5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20154014	Quách Dương	DH20OT			3	4		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20154106	Nguyễn Văn Đức	DH20OT			3	3,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	20154133	Nguyễn Văn Hoàng	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20154136	Nguyễn Thị Thu Hồng	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20154141	Nguyễn Minh Huy	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20154142	Nguyễn Vũ Nhật Huy	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20154024	Phùng Quốc Huy	DH20OT			3	1		4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20154146	Nguyễn Quốc Khải	DH20OT			3,5	4		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	20154149	Hoàng Lê Minh Khánh	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20154152	Võ Nguyên Khôi	DH20OT			3	4		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20154160	Trần Ngọc Linh	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20154166	Nguyễn Văn Minh	DH20OT			2,5	4,5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01546

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 03

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154171	Nguyễn Trọng Nghi	DH200T			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
18	20154183	Cao Nguyễn Thành Phát	DH200T			3,5	2		5,5	0012345678910	0123456789
19	20120077	Đinh Công Đại	DH200T			3	3,5		6,5	0012345678910	0123456789
20	20154197	Đỗ Anh Quân	DH200T			4	4		8,0	0012345678910	0123456789
21	20154049	Phạm Ngọc Diễm Quỳnh	DH200T			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	20154055	Huỳnh Thanh Tâm	DH200T			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
23	20154221	Nguyễn Thanh Thiện	DH200T			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
24	20154222	Phan Hữu Thiện	DH200T			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
25	20154062	Huỳnh Minh Thông	DH200T			3,5	3,5		7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiếu

Phan Minh Hiếu

Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154086	Nguyễn Trần Nhật Bảo	DH20OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20154089	Phạm Thái Bình	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20154097	Nguyễn Tấn Danh	DH20OT			4	3,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20154108	Nguyễn Trung Dũng	DH20OT			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20154101	Phạm Đình Thành Đạt	DH20OT			3,5	5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20154124	Phạm Nguyễn Quốc Hậu	DH20OT			3	1,5		4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	20154131	Huỳnh Vũ Hoài	DH20OT			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20154147	Dương Trí Khang	DH20OT			3	3,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20154155	Mai Thanh Lâm	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20154159	Nguyễn Công Linh	DH20OT			3	4,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20154168	Đậu Phương Nam	DH20OT			3	4		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20154170	Trần Thanh Nam	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	20154176	Phạm Trọng Công Nghĩa	DH20OT			4	3		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20154172	Trần Trung Nghị	DH20OT			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20154173	Bùi Tá Nghĩa	DH20OT			4	4		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20154174	Nguyễn Tiến Nghĩa	DH20OT			4	4,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154175	Nguyễn Trung Nghĩa	DH20OT			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
18	20154179	Trương Quốc Nguyễn	DH20OT			4	4		8,0	0012345678910	0123456789
19	20154193	Thái Trần Hồng Phúc	DH20OT			3,5	5		8,5	0012345678910	0123456789
20	20154208	Đào Minh Quyết	DH20OT			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
21	20154209	Trần Chí Quyết	DH20OT			2,5	3,5		6,0	0012345678910	0123456789
22	20154224	Chau Chanh Thu	DH20OT			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
23	20154229	Nguyễn Quốc Trãi	DH20OT			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
24	20154233	Đỗ Ngọc Triết	DH20OT			3,5	4,5		8,0	0012345678910	0123456789
25	20154241	Trương Quang Tuấn	DH20OT			3,5	4,5		8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiếu

Trương Quang Tuấn

Phan Minh Hiếu



Mã nhận dạng 01548

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 07

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	Điền Tuấn Anh	DH200T			0	4,5		4,5	0012345678910	0123456789
2	20154080	Lê Tuấn Anh	DH200T			3,5	5		8,5	0012345678910	0123456789
3	20154085	Huỳnh Gia Bảo	DH200T			3,5	5		8,5	0012345678910	0123456789
4	20154103	Dương Quốc Đông	DH200T			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
5	20154105	Nguyễn Trọng Đức	DH200T			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
6	20154117	Lê Tuấn Trường	DH200T			3	3		6,0	0012345678910	0123456789
7	20154122	Vũ Anh Hào	DH200T			3,5	4		7,5	0012345678910	0123456789
8	20154123	Hoàng Hồng Hậu	DH200T			3,5	3,5		7,0	0012345678910	0123456789
9	20154126	Võ Công Hiên	DH200T			3,5	4,5		8,0	0012345678910	0123456789
10	20154127	Đặng Trung Hiếu	DH200T			2,5	4,5		7,0	0012345678910	0123456789
11	20154139	Trần Hữu Hưng	DH200T			2,5	3,5		6,0	0012345678910	0123456789
12	20154148	Châu Quốc Việt	DH200T			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
13	20154165	Nguyễn Tiến Mạnh	DH200T			4	4		8,0	0012345678910	0123456789
14	20154207	Nguyễn Thế Quyền	DH200T			2,5	4,5		7,0	0012345678910	0123456789
15	20154213	Nguyễn Tiến Sĩ	DH200T			2,5	4		6,5	0012345678910	0123456789
16	20154218	Nguyễn Quang Thành	DH200T			3	4,5		7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công Cắt - gọt CNC (207154) - 07

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154226	Nguyễn Đăng Tiên	DH200T			3,5	4		7,5	0012345678910	0123456789
18	20154230	Nguyễn Hữu Trí	DH200T			2,5	2		4,5	0012345678910	0123456789
19	20154231	Nguyễn Hữu Trí	DH200T			4,5	3		7,5	0012345678910	0123456789
20	20154232	Phạm Minh Trí	DH200T			4,5	2,5		7,0	0012345678910	0123456789
21	20154234	Đặng Bình Triệu	DH200T			2,5	5		7,5	0012345678910	0123456789
22	20154235	Nguyễn Hồ Quốc Trung	DH200T			3	4,5		7,5	0012345678910	0123456789
23	20154237	Nguyễn Xuân Trường	DH200T			3,5	5		8,5	0012345678910	0123456789
24	20154239	Phạm Minh Tuấn	DH200T			2,5	4		6,5	0012345678910	0123456789
25	20154242	Cao Trọng Văn	DH200T			3	4,5		7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiếu

Trương Quang Trung

Phan Minh Hiếu



Mã nhận dạng 01553

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sử dụng máy (207335) - 02

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành Bång	DH19CK						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118030	Chê Nguyễn Văn Danh	DH19CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK						9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 01553

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sử dụng máy (207335) - 02

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789
18	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789
19	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789
20	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789
21	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789
22	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789
23	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789
24	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK						8,5	001234567●910	01234●6789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Hoàng

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Nhật Long



Mã nhận dạng 01554

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sử dụng máy (207335) - 03

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK	<i>Diên</i>					8	0012345678910	0123456789
2	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK	<i>Duy</i>					8,5	0012345678910	0123456789
3	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK	<i>Duy</i>					8,5	0012345678910	0123456789
4	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK	<i>Đang</i>					8,5	0012345678910	0123456789
5	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	<i>Long</i>					9	0012345678910	0123456789
6	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK	<i>Lộc</i>					8,5	0012345678910	0123456789
7	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK	<i>Lộc</i>					8,5	0012345678910	0123456789
8	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK	<i>Lợi</i>					8	0012345678910	0123456789
9	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK	<i>Nguyên</i>					8	0012345678910	0123456789
10	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK	<i>Nhật</i>					8,5	0012345678910	0123456789
11	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK	<i>Phát</i>					9	0012345678910	0123456789
12	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK	<i>Phương</i>					8,5	0012345678910	0123456789
13	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK	<i>Phương</i>					8,5	0012345678910	0123456789
14	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK	<i>Quân</i>					8	0012345678910	0123456789
15	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK	<i>Sơn</i>					8,5	0012345678910	0123456789
16	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK	<i>Thanh</i>					8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01554

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sử dụng máy (207335) - 03

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK						8,0	0012345678910	1123456789
18	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK						8,0	0012345678910	1123456789
19	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK						8,5	0012345678910	0123456789
20	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK						8,0	0012345678910	1123456789
21	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK						8,5	0012345678910	0123456789
22	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK						8,0	0012345678910	1123456789
23	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK						8,0	0012345678910	1123456789
24	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK						8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

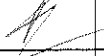
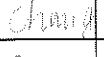
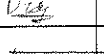
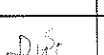
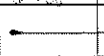
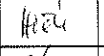
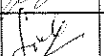
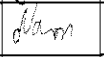
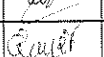
Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Như Long

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK						—	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK						—	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sử dụng máy (207335) - 04

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK	Thang					5,5	0012345678910	0123456789
18	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK	ZL					8	0012345678910	0123456789
19	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK	Tin					9	0012345678910	0123456789
20	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK	Qu					5,5	0012345678910	0123456789
21	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK	Trung					5,5	0012345678910	0123456789
22	19118272	Nguyễn Quốc Vi	DH19CK	Vi					9	0012345678910	0123456789
23	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK	Viet					8	0012345678910	0123456789
24	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK	Vinh					9	0012345678910	0123456789
25	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK	Vuong					9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Chức nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Hoàng

Bách

Nguyễn Như Long

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 02345

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **001_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		4	8	1	3,7	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	Bao		1	7	4	4,3	0012345678910	0123456789
3	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL	Cam		4	7	4	4,9	0012345678910	0123456789
4	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL	Chuan		0	9	3	4,2	0012345678910	0123456789
5	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chi		7	9	4	6,1	0012345678910	0123456789
6	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chien		6	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
7	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cuong		5,5	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
8	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cuong		6	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
9	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Dam		5,5	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
10	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Dat		7,5	8	4	5,9	0012345678910	0123456789
11	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Dat		4	7	4	4,9	0012345678910	0123456789
12	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL	Hai		4	7	4	4,9	0012345678910	0123456789
13	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL	Hanh		8	9	6	7,3	0012345678910	0123456789
14	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL	Hau		8	9	5	6,8	0012345678910	0123456789
15	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL	Hoang		4,5	8	4	5,3	0012345678910	0123456789
16	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL	Hung		7	7	6	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02345

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **001_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			7,5	8	4	5,9	0012345678910	0123456789
18	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			3	8	1	3,5	0012345678910	0123456789
19	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			5	8	8	7,4	0012345678910	0123456789
20	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL			5	8,5	3	5,1	0012345678910	0123456789
21	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			0	8	3	3,9	0012345678910	0123456789
22	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			6,5	8	4	5,7	0012345678910	0123456789
23	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			5	8	8	7,4	0012345678910	0123456789
24	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			4	8	1	3,7	0012345678910	0123456789
25	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			3	8	4	5,0	0012345678910	0123456789
26	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			9	8	4	6,2	0012345678910	0123456789
27	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL			2,5	7	2	3,6	0012345678910	0123456789
28	19137042	Bùi Thị Yến Mí	DH19NL			7,5	8,5	2	5,1	0012345678910	0123456789
29	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			5,5	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
30	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			3,5	8	4	5,1	0012345678910	0123456789
31	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL			5	9	4	5,7	0012345678910	0123456789
32	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			6,5	8	6	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02345

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL							0012345678910	0123456789
34	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL	<i>ahot</i>		2,5	8	4	4,9	0012345678910	0123456789
35	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL	<i>phat</i>		2	6	4	4,2	0012345678910	0123456789
36	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL	<i>Phi</i>		1	7	1	2,8	0012345678910	0123456789
37	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	DH19NL	<i>Ngoc</i>		4	8	3	4,7	0012345678910	0123456789
38	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL	<i>Quy</i>		8	8,5	6	7,2	0012345678910	0123456789
39	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL	<i>Yen</i>		6	8,5	4	5,8	0012345678910	0123456789
40	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL	<i>Sang</i>		7	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
41	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL	<i>Son</i>		0	8	1	2,9	0012345678910	0123456789
42	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL	<i>Tai</i>		0	8	4	4,4	0012345678910	0123456789
43	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL	<i>Tai</i>		9,5	8	4	6,3	0012345678910	0123456789
44	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL	<i>Tai</i>		5	8,5	2	4,6	0012345678910	0123456789
45	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL	<i>Tan</i>		5,5	8	5	6,0	0012345678910	0123456789
46	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL	<i>Tan</i>		2	8	4	4,2	0012345678910	0123456789
47	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL							0012345678910	0123456789
48	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL	<i>Thanh</i>		3	8	4	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02345

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **30/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			7	9	4	6,1	0012345678910	0123456789
50	19137069	Nguyễn Công	DH19NL			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
51	19137070	Nguyễn Quốc	DH19NL			0	8	4	4,4	0012345678910	0123456789
52	19137065	Phạm Phước	DH19NL			1	6	1	2,5	0012345678910	0123456789
53	19137071	Bùi Quang	DH19NL			1	8	2	3,6	0012345678910	0123456789
54	19137077	Bùi Thành	DH19NL			2	8	2	3,8	0012345678910	0123456789
55	19137079	Huỳnh Quốc	DH19NL			10	9	6	7,7	0012345678910	0123456789
56	19137082	Từ Trường	DH19NL			3	8	2	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 54 Số sinh viên vắng 2

Ngày 2 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.T. Hao

Nguyễn Thanh Trung

Nguyễn Thanh Trung

N.T. Hao

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02346

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Lò hơi công nghiệp(207406)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **001_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Lành**

Ngày Thi **20/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			8	9	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
2	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL			9	9	4.0	6.0	0012345678910	0123456789
3	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL			8	9	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
4	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			8	9	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
5	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			8	10	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
6	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			8	9	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
7	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			8	9	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
8	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL			8	10	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
9	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			8	9	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
10	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			10	9	7.0	8.0	0012345678910	0123456789
11	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			8	10	2.0	4.8	0012345678910	0123456789
12	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			8	9	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
13	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			8	9	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
14	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			8	10	5.5	6.8	0012345678910	0123456789
15	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			6	10	2.0	4.4	0012345678910	0123456789
16	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02346

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Lò hơi công nghiệp(207406)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 20/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137105	Nguyễn Anh Minh	DH21NL			8	9	1.0	4.0	0012345678910	0123456789
18	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
19	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			8	9	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
20	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL			8	9	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
21	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL			6	9	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
22	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			6	9	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
23	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			8	9	1.5	5.3	0012345678910	0123456789
24	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			9	9	3.5	5.8	0012345678910	0123456789
25	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			8	10	1.0	4.2	0012345678910	0123456789
26	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
27	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			8	10	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
28	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			8	10	2.5	5.1	0012345678910	0123456789
29	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			8	9	4.0	5.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02346

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Lò hơi công nghiệp(207406) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH19NL_01 Tổ Thi 001_DH19NL_01 Tên CBGD Nguyễn Văn Lành
Ngày Thi 20/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 26 Số sinh viên vắng ...3..

Ngày 25 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

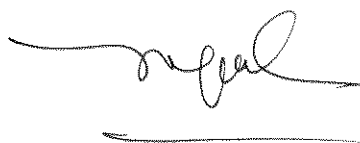
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

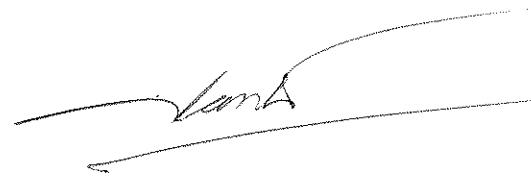
Cán Bộ Chấm Thi 2


N.V. Kiep


Lê Văn Tuấn



TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Văn Lành



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL						7.5	0012345678910	0123456789
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL						8.0	0012345678910	0123456789
4	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL						7.5	0012345678910	0123456789
5	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL						7.5	0012345678910	0123456789
6	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL						7.5	0012345678910	0123456789
7	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL						7.5	0012345678910	0123456789
8	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL						8.0	0012345678910	0123456789
9	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL						7.5	0012345678910	0123456789
10	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
11	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL						7.5	0012345678910	0123456789
12	19137028	Sâm Khắc Huy	DH19NL						8.0	0012345678910	0123456789
13	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
14	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
15	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
16	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
18	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
19	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
20	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
21	19137042	Bùi Thị Yến	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
22	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
23	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
24	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
25	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL							0012345678910	0123456789
26	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
27	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
28	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
29	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
30	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
31	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
32	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
34	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
35	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
36	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
37	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
38	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
39	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
40	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789
41	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL						7.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

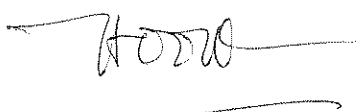
Cán bộ coi thi 1

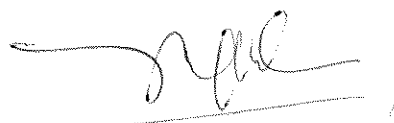
Cán bộ coi thi 2

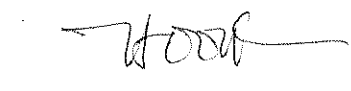
Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


N.T. Hao


Phan Hieu/Khoa/Bu Mon


N.T. Hao

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
3	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL						8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
5	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL						9,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL						8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
7	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL						✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
10	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
11	18137026	Huỳnhhà Lộc	DH18NL						7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
12	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
13	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL						8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207429) - 20

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL						7,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
18	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL						8,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
19	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL						7,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
20	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL						8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
21	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL						8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
22	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL						8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
23	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL						✓	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
24	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL						8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
25	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL						8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
26	18137047	Hồ Nguyễn Phi Trường	DH18NL						7,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
27	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL						8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



TS. Nguyễn Đức Khuyến



TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02352

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đo %	Đ2 Đo %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		7	8,5	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	Bao		1	7	3	3,8	0012345678910	0123456789
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL	Chấn		3	7	4	4,7	0012345678910	0123456789
4	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chi		2	7	7	6,0	0012345678910	0123456789
5	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chiến		3	7,5	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
6	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cuong		3	8,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
7	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cuong		2	9	7,5	6,9	0012345678910	0123456789
8	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Dam		3	7,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
9	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Dat		6	8,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
10	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Dat		4	7	3	4,4	0012345678910	0123456789
11	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL	Hai		2	6,5	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
12	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL	Hanh		4	9,5	3	5,2	0012345678910	0123456789
13	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL	Hau		4	8,5	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
14	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL	Hoang		0	7,5	5	4,8	0012345678910	0123456789
15	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL	Hung		3	8,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
16	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL	Huy		7	9	5	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02352

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi: Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

001_DH19NL_03

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 29/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL	Huy		6	6,5	5	5,7	0012345678910	0123456789
18	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL	Huy		3	7	7,5	6,5	0012345678910	0123456789
19	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL	Huy		2	8,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
20	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL	Huy		3	7,5	2	3,9	0012345678910	0123456789
21	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL	Huy		7	8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
22	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL	Khang		7	7,5	4	5,7	0012345678910	0123456789
23	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL	Khang		4	7	7,5	6,7	0012345678910	0123456789
24	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL	Khanh		2	8	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
25	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL	Khori		4	9	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
26	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL	Loc		3	7,5	1	3,4	0012345678910	0123456789
27	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL	Mi		6	8	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
28	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL	Nam		4	6,5	7,5	6,5	0012345678910	0123456789
29	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL	Ngoan		4	7,5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
30	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL	Nguyen		4	7,5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
31	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL	Nhan	✓					0012345678910	0123456789
32	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL	Nhat		3	8	5,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02352

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			3	7	6	5,7	0012345678910	0123456789
34	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL			2	7	1	3,0	0012345678910	0123456789
35	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	DH19NL			7	9,5	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
36	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			7	9	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
37	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL			6	8,5	4	5,8	0012345678910	0123456789
38	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			2	6,5	7,5	6,1	0012345678910	0123456789
39	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			4	8,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
40	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			7	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
41	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			6	7	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
42	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			2	8,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
43	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			2	8	7	6,3	0012345678910	0123456789
44	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL		✓					0012345678910	0123456789
45	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			4	8	5	5,7	0012345678910	0123456789
46	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			4	7,5	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
47	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			6	8	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
48	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			5	7	5	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02352

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

001_DH19NL_03

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 29/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			2	7,5	5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			2	7,5	4	4,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			2	8	7	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			7	9	9	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			3	7,5	6,5	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 51 Số sinh viên vắng 02

Ngày 2 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.T. Hào

Phan Trọng Nghĩa

N.A. Khuân

N.T. Hào

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207439) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL				8	7	7.3	○○○123456●8910	○12●456789
2	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL				8	7	7.3	○○○123456●8910	○12●456789
3	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL				8	7	7.3	○○○123456●8910	○12●456789
4	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL				9	9	9.0	○○○12345678●10	●123456789
5	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL				8.5	8.5	8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
6	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL				9	9	9.0	○○○12345678●10	●123456789
7	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL				8	8	8.0	○○○1234567●910	●123456789
8	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL				8	8	8.0	○○○1234567●910	●123456789
9	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL				7	7	7.0	○○○123456●8910	●123456789
10	18137026	Huỳnhhà Lộc	DH18NL				7	7	7.0	○○○123456●8910	●123456789
11	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL				8	8	8.0	○○○1234567●910	●123456789
12	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL				7	7	7.0	○○○123456●8910	●123456789
13	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL				8	7	7.3	○○○123456●8910	○12●456789
14	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL				8	8	8.0	○○○1234567●910	●123456789
15	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL				9	9	9.0	○○○12345678●10	●123456789
16	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL				9	9	9.0	○○○12345678●10	●123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207439) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL				8	7	7.3	00123456●8910	012●456789
18	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL				8	7	7.3	00123456●8910	012●456789
19	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL				8	8	8.0	001234567●910	●123456789
20	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL				8	8	8.0	001234567●910	●123456789
21	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL				8	8	8.0	001234567●910	●123456789
22	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL				8	8	8.0	001234567●910	●123456789
23	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL				7	7	7.0	00123456●8910	●123456789
24	18137047	Hồ Nguyễn Phi Trường	DH18NL				8	7	7.3	00123456●8910	012●456789
25	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL				8	8	8.0	001234567●910	●123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

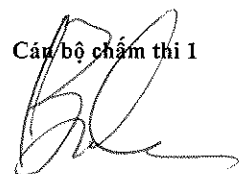
Cán bộ coi thi 2

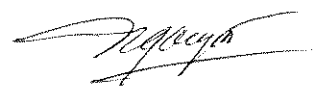
Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Nguyễn Nam An

Hoc kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL						7.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL						7.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL						7.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL						9.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑨ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL						9.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑨ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL						9.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑨ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL						8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL						8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL						8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18137026	HuỳnhĐà Lộc	DH18NL						6.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL						6.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL						6.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL						8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL						8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL						8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL						6.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 2 (207440) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL						6.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL						6.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18137047	Hồ Nguyễn Phi Trường	DH18NL						9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

How

By Ann' Flips

Not
N.T. Has

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD							0012345678910	0123456789
2	18138006	Đặng Văn Binh	DH18TD					6,8	6,8	0012345678910	0123456789
3	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					7,6	7,6	0012345678910	0123456789
4	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
5	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD							0012345678910	0123456789
7	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD							0012345678910	0123456789
8	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					8,1	8,1	0012345678910	0123456789
9	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD					7,2	7,2	0012345678910	0123456789
10	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD					7,4	7,4	0012345678910	0123456789
11	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD							0012345678910	0123456789
12	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD					7,6	7,6	0012345678910	0123456789
13	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH16TD							0012345678910	0123456789
14	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
15	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD							0012345678910	0123456789
16	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD					8,2	8,2	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207534) - 20

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
18	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD					7,6	7,6	0012345678910	0123456789
19	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD					6,8	6,8	0012345678910	0123456789
20	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
21	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
22	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD							0012345678910	0123456789
23	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
24	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD							0012345678910	0123456789
25	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD							0012345678910	0123456789
26	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
27	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
28	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD							0012345678910	0123456789
29	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD					7,1	7,1	0012345678910	0123456789
30	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD					7,3	7,3	0012345678910	0123456789
31	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD					7,9	7,9	0012345678910	0123456789
32	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

Ngày in : 07/06/2022 16:34



Mã nhận dạng 01562

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			8	8		8.0	0012345678910	0123456789
2	19153001	Trần Phước	DH19CD			5.5	5		5.2	0012345678910	0123456789
3	19153008	Ngô Trung	DH19CD			7.5	5		6.0	0012345678910	0123456789
4	19153011	Huỳnh Cao	DH19CD			5.5	9		7.6	0012345678910	0123456789
5	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD			7	9		8.2	0012345678910	0123456789
6	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD			8	8.5		8.3	0012345678910	0123456789
7	19153014	Phạm Đình	DH19CD			8	5		6.2	0012345678910	0123456789
8	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD			7	9		8.2	0012345678910	0123456789
9	19153010	Nguyễn Ngọc	DH19CD			6.5	8.5		7.7	0012345678910	0123456789
10	19153007	Trương Quốc	DH19CD			8	5		6.2	0012345678910	0123456789
11	19153006	Võ Quan	DH19CD			5.5	5		5.2	0012345678910	0123456789
12	19153016	Mai Xuân	DH19CD			7.5	6		6.6	0012345678910	0123456789
13	19153017	Nguyễn Thanh	DH19CD			5	6		5.6	0012345678910	0123456789
14	19153020	Nguyễn Ngọc	DH19CD			5	8		5.8	0012345678910	0123456789
15	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD			5	8		6.8	0012345678910	0123456789
16	19153025	Lương Quang	DH19CD			5.5	8		7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			7.5	7		7.2	0012345678910	0123456789
18	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			8	8		8.0	0012345678910	0123456789
19	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			5.5	7		6.4	0012345678910	0123456789
20	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			8	7		7.4	0012345678910	0123456789
21	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			5.5	9		7.6	0012345678910	0123456789
22	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			5.5	7		6.4	0012345678910	0123456789
23	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			5	5		5.0	0012345678910	0123456789
24	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD			5.5	6		5.8	0012345678910	0123456789
25	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			5.5	8		7.0	0012345678910	0123456789
26	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			5.5	6		5.8	0012345678910	0123456789
27	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			8	7.5		7.7	0012345678910	0123456789
28	19153052	Đỗ Văn Tinh	DH19CD			5.5	6		5.8	0012345678910	0123456789
29	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			8	7.5		7.7	0012345678910	0123456789
30	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			5	8		6.8	0012345678910	0123456789
31	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			7	6		6.4	0012345678910	0123456789
32	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			5.5	7		6.4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			5.5	8		7.0	0012345678910	0123456789
34	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD			✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
35	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD			6.5	7		6.8	0012345678910	0123456789
36	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			7.5	7.5		7.5	0012345678910	0123456789
37	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			5.5	7		6.4	0012345678910	0123456789
38	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			5.5	7		6.4	0012345678910	0123456789
39	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			7.5	8.5		8.1	0012345678910	0123456789
40	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			5.5	5		5.2	0012345678910	0123456789
41	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
42	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			7.5	7		7.2	0012345678910	0123456789
43	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			5.5	7		6.4	0012345678910	0123456789
44	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			7	9		8.2	0012345678910	0123456789
45	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			7.5	7.5		7.5	0012345678910	0123456789
46	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			5.5	9.0		7.6	0012345678910	0123456789
47	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			7.5	7		7.2	0012345678910	0123456789
48	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			8	7.5		7.7	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			8	7.5		7.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	19153081	Bùi Quang	DH19CD			6	7		6.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	19153083	Giáp Trung	DH19CD			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	19153086	Tạ Thị Ngọc	DH19CD			8	8.5		8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD			6	7		6.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	19153088	Nguyễn Công	DH19CD			8	5		6.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	19153089	Phạm Lê Tấn	DH19CD			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	19153090	Mai Lê	DH19CD			5	8		6.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 04

Hiện diện: 52.

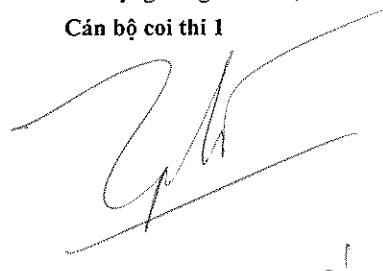
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

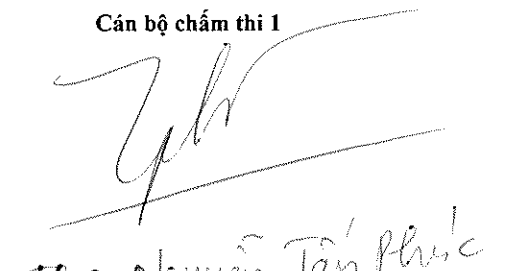
Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


ThS. Nguyễn Tấn Phúc


Trần Thị Kim Nga


ThS. Nguyễn Tấn Phúc

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							50 %	50%				
1	18153002	Trương Quốc	Anh	DH18CD			7.0	7.0		7.0	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc	Bảo	DH18CD			8.0	8.0		8.0	0012345678910	0123456789
3	18153009	Ngô Mạnh	Cường	DH18CD			6.5	7.0		6.8	0012345678910	0123456789
4	18153013	Nguyễn Văn	Dư	DH18CD			7.0	7.5		7.3	0012345678910	0123456789
5	18153015	Đỗ Trung	Dương	DH18CD			8.0	8.0		8.0	0012345678910	0123456789
6	18153010	Đặng Hải	Đặng	DH18CD			7.0	6.5		6.8	0012345678910	0123456789
7	18153014	Bùi Hữu	Đức	DH18CD			7.5	7.5		7.5	0012345678910	0123456789
8	18153021	Nguyễn Trung	Hiếu	DH18CD			8.0	7.5		7.8	0012345678910	0123456789
9	18153024	Nguyễn Phúc	Hòa	DH18CD			7.0	8.0		7.5	0012345678910	0123456789
10	18153029	Trương Vĩnh	Huy	DH18CD			6.0	6.0		6.0	0012345678910	0123456789
11	18153030	Huỳnh Minh	Kha	DH18CD			7.5	8.0		7.8	0012345678910	0123456789
12	18153035	Vũ Chúc	Khiêm	DH18CD			8.0	7.5		7.8	0012345678910	0123456789
13	18153036	Trần Việt	Khoa	DH18CD			7.0	7.0		7.0	0012345678910	0123456789
14	18153039	Trần Cao	Linh	DH18CD			7.5	7.0		7.3	0012345678910	0123456789
15	18153042	Lưu Hoàng	Long	DH18CD			7.0	7.5		7.3	0012345678910	0123456789
16	18153043	Nguyễn Thành	Long	DH18CD			7.5	7.0		7.3	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207627) - 20

CBGD: Khoa Quản Lý Khoa Ck (T277)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			7.0	7.5		7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			7.0	7.0		7.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			8.0	8.0		8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			7.5	7.0		7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			7.5	8.0		7.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			8.0	8.0		8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

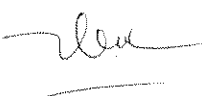
Cán bộ coi thi 1

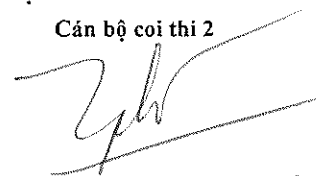
Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trần Thị Kim Nga


Nguyễn Tân Phước


Trần Thị Kim Nga


Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 02378

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động lực học- Điều khiển robot(207629)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD				4	4.0	4.0	0012345678910	0123456789
2	19153001	Trần Phước An	DH19CD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
3	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
4	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD				7.5	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
5	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD				8	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
6	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
7	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
8	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD				4	6.5	5.5	0012345678910	0123456789
9	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD				4	7.0	5.8	0012345678910	0123456789
10	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD				8	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
11	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
12	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
13	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD				8	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
14	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
15	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
16	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD				8	8.0	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02378

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
18	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD				4	7.0	5.8	0012345678910	0123456789
19	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
20	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD				8	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
21	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
22	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD				8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
23	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD				8	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
24	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD				4	7.0	5.8	0012345678910	0123456789
25	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD				4	5.0	4.6	0012345678910	0123456789
26	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
27	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD				4	5.0	4.6	0012345678910	0123456789
28	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD				4	6.0	5.2	0012345678910	0123456789
29	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD				4	5.5	4.9	0012345678910	0123456789
30	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD				4	6.0	5.2	0012345678910	0123456789
31	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
32	19153052	Đỗ Văn Tình Nhỏ	DH19CD				✓	5.0	✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02378

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động lực học- Điều khiển robot(207629)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	DH19CD			✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
34	19153056	Lê Văn	Phong	DH19CD	Long		8	65	7.4	0012345678910	0123456789
35	19153057	Nguyễn Duy	Phong	DH19CD			8	55	6.5	0012345678910	0123456789
36	19153058	Cao Thành	Phú	DH19CD	Phu		8	95	8.9	0012345678910	0123456789
37	19153061	Nguyễn Hồng	Phúc	DH19CD	Phu		8	50	6.2	0012345678910	0123456789
38	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD	Phu		8	60	6.8	0012345678910	0123456789
39	19153062	Trần Nguyên Anh	Phương	DH19CD	Phu		✓	8.0	✓	0012345678910	0123456789
40	19153063	Lăng Hồng	Quân	DH19CD	Quân		4	5.5	4.9	0012345678910	0123456789
41	19153064	Lê Hữu	Quý	DH19CD	Quý		4	4.0	4.0	0012345678910	0123456789
42	19153065	Lê Văn	Quý	DH19CD	Quý		8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
43	19153066	Nguyễn Trần	Sang	DH19CD	Sang		8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
44	19153068	Huỳnh Văn	Tấn	DH19CD	Tấn		8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
45	19153070	Trương Văn	Thái	DH19CD	✓		✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
46	19153072	Hồ Chí	Thanh	DH19CD	Thanh		8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
47	19153073	Nguyễn Tuấn	Thanh	DH19CD	Thanh		8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
48	19153074	Đào Minh	Thành	DH19CD	Thành		8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02378

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động lực học- Điều khiển robot(207629)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD				40	4	50	46	0012345678910
50	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD				40	4	75	61	0012345678910
51	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD				40	4	65	55	0012345678910
52	19153079	Hoàng Thông	DH19CD				40	4	45	43	0012345678910
53	19153080	Kiều Thuy	DH19CD				80	8	30	50	0012345678910
54	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD				80	8	75	77	0012345678910
55	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD				40	4	85	67	0012345678910
56	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD				40	4	60	52	0012345678910
57	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD				40	4	90	70	0012345678910
58	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD				80	8	45	59	0012345678910
59	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD				80	8	90	86	0012345678910
60	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD				V	V	35	V	0012345678910

Mã nhận dạng 02378

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Động lực học- Điều khiển robot(207629)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH19CD_01** Tổ Thi **001_DH19CD_01** Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**
Ngày Thi **26/07/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **TV101**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 5 Số sinh viên vắng 1

Ngày 28 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

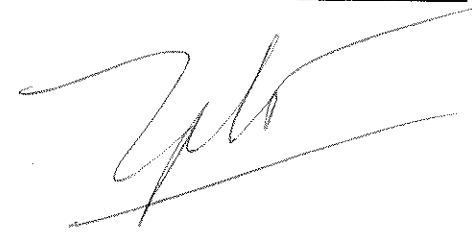
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Vũ Huy Thới


Cao Đức Lợi


Trần Thị Kim Ngân


ThS. Nguyễn Tấn Phúc



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207641) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			6	7		6.5	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			6	7.5		6.8	0012345678910	0123456789
3	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			6	4		5.0	0012345678910	0123456789
4	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			6	6		6.0	0012345678910	0123456789
5	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			6	4		5.0	0012345678910	0123456789
6	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			4	8		6.0	0012345678910	0123456789
7	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			8	8		7.0	0012345678910	0123456789
8	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			6	7		6.5	0012345678910	0123456789
9	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			6	8		7.0	0012345678910	0123456789
10	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			6	7		6.5	0012345678910	0123456789
11	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			6	4		5.0	0012345678910	0123456789
12	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			6	6		6.0	0012345678910	0123456789
13	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			6	7		6.5	0012345678910	0123456789
14	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			5	8		6.5	0012345678910	0123456789
15	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			6	8		7.0	0012345678910	0123456789
16	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			6	8		7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01563

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207641) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			6	8		7.0	0012345678910	0123456789
18	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			6	6		6.0	0012345678910	0123456789
19	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			6	7		6.5	0012345678910	0123456789
20	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			6	7		6.5	0012345678910	0123456789
21	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			6	8		7.0	0012345678910	0123456789
22	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			6	8		7.0	0012345678910	0123456789
23	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD			7	3		5.0	0012345678910	0123456789
24	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			6	4		5.0	0012345678910	0123456789
25	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			7	7		7.0	0012345678910	0123456789
26	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			7	8		7.5	0012345678910	0123456789
27	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			7	4		5.5	0012345678910	0123456789
28	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			7	7		7.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Tấn Phúc

Trần Thị Kim Ngà

ThS. Nguyễn Tấn Phúc

Ngày in : 06/06/2022 09:52



Mã nhận dạng 02379

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 2(207642)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi

001_DH18CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD					1.0	1.0	0000000000	0000000000
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD					8.0	8.0	0000000000	0000000000
3	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD					4.0	4.0	0000000000	0000000000
4	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD					1.0	1.0	0000000000	0000000000
5	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD					5.0	5.0	0000000000	0000000000
6	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD					2.0	2.0	0000000000	0000000000
7	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD					5.0	5.0	0000000000	0000000000
8	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD					4.0	4.0	0000000000	0000000000
9	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD					4.0	4.0	0000000000	0000000000
10	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD					7.0	7.0	0000000000	0000000000
11	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD					6.0	6.0	0000000000	0000000000
12	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD					4.0	4.0	0000000000	0000000000
13	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD					1.5	1.5	0000000000	0000000000
14	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD					5.0	5.0	0000000000	0000000000
15	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD					6.0	6.0	0000000000	0000000000
16	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD					6.0	6.0	0000000000	0000000000



Mã nhận dạng 02379

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Chuyên đề tốt nghiệp 2(207642)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi

001_DH18CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
18	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
19	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD					2.0	2.0	0012345678910	0123456789
20	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
21	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
22	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
23	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD					1.5	1.5	0012345678910	0123456789
24	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
25	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD					1.5	1.5	0012345678910	0123456789
26	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD					0.5	0.5	0012345678910	0123456789
27	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 28 Số sinh viên vắng 0

Ngày 28 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 20/06/2022

N.V. Kệp

Trần Thị Kim Ngân

Nguyễn Tấn Phúc